



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM
Số 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM
(08) 3829 6620 – (08) 3822 5373
www.sochemvn.com



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2014



H_3PO_4



NaOH



PAC

H_2SO_4



$Al(OH)_3$



MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG [1]

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH [14]

03 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC [29]

04 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ [37]

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY [46]

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH [55]

THÔNG ĐIỆN HĐQT

Kính thưa quý cổ đông, các Nhà đầu tư, Đối tác, Quý khách hàng cùng Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam.

Trên chặng đường gần 40 năm hình thành và phát triển Công ty đã xây dựng được hình ảnh một doanh nghiệp được khách hàng tin tưởng bằng uy tín và chất lượng sản phẩm của Công ty. Năm 2014 vừa qua đánh dấu năm đầu tiên Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ doanh nghiệp nhà nước điều này giúp Công ty chủ động hơn với các chiến lược phát triển của mình, đồng thời tăng cường tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành.

Trong những năm gần đây, dây chuyền công nghệ của Công ty liên tục được đầu tư cải tiến nhằm nâng cao quy mô và hiệu quả sản xuất của Công ty. Chất lượng sản phẩm của Công ty ngày càng được nâng cao và luôn luôn đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm sản xuất ra theo tiêu chuẩn tự công bố và đáp ứng được yêu cầu ngày một cao của thị trường. Tuy nhiên, tình hình cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất trong ngành vẫn đang diễn ra gay gắt cùng với việc Công ty đang trong diện phải di dời ba nhà máy tại KCN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai nên ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty. Trong năm 2014, Công ty đã đạt được những kết quả kinh doanh hợp nhất sau đây:

- **Tổng doanh thu:** 1.566 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch đề ra.
- **Tổng lợi nhuận sau thuế** 140,3 tỷ đồng, đạt 122% kế hoạch đề ra.
- **Tổng giá trị SXCN:** 1.586 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch đề ra .

Trong năm 2015, Công ty đặt mục tiêu giữ vững ổn định sản xuất, phát huy hết công suất các dây chuyền hiện hữu do chịu áp lực từ công tác di dời nên Công ty vẫn không thể mở rộng sản. Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm cơ hội nhập khẩu vật tư nguyên liệu với giá cả hợp lý để hạ giá thành sản phẩm,

tìm kiếm thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm có tiềm năng nhằm đảm bảo mức doanh thu và lợi nhuận đạt so với năm 2014. Bên cạnh đó Công ty khẩn trương tìm kiếm địa điểm phù hợp, lập phương án di dời 3 nhà máy tại KCN Biên Hòa 1 để chuẩn bị sẵn sàng cho việc thực hiện theo chủ trương của Nhà nước.

Đối với lĩnh vực hóa chất cơ bản, đầu tư máy móc thiết bị là rất lớn, điều đó là một khó khăn trong việc huy động vốn phục vụ đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty. Đây cũng là đặc thù chung của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hóa chất. Do đó trong năm 2015, để tiếp tục phát huy mô hình hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, chúng tôi đã niêm yết cổ phiếu Công ty trên sàn HOSE vào tháng 03 năm 2015. Việc niêm yết này sẽ là một bước tiến mới để Công ty tiến gần hơn đến cộng đồng nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán nhằm mục đích mở rộng kênh huy động nguồn vốn cho Công ty chủ động hơn đối với kế hoạch phát triển của mình.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí Lãnh đạo các cấp của Tập đoàn HCVN đã chấp thuận và hỗ trợ rất nhiều cho Công ty, cảm ơn toàn thể CBCNV Công ty đã rất nhiều cố gắng đóng góp thiết thực cho thành công của Công ty trong nhiều năm qua và rất mong tiếp tục nhận được sự giúp đỡ của các đồng chí Lãnh đạo Tập đoàn, sự đóng góp của toàn thể CBCNV để Công ty chúng ta ngày càng phát triển vững chắc.

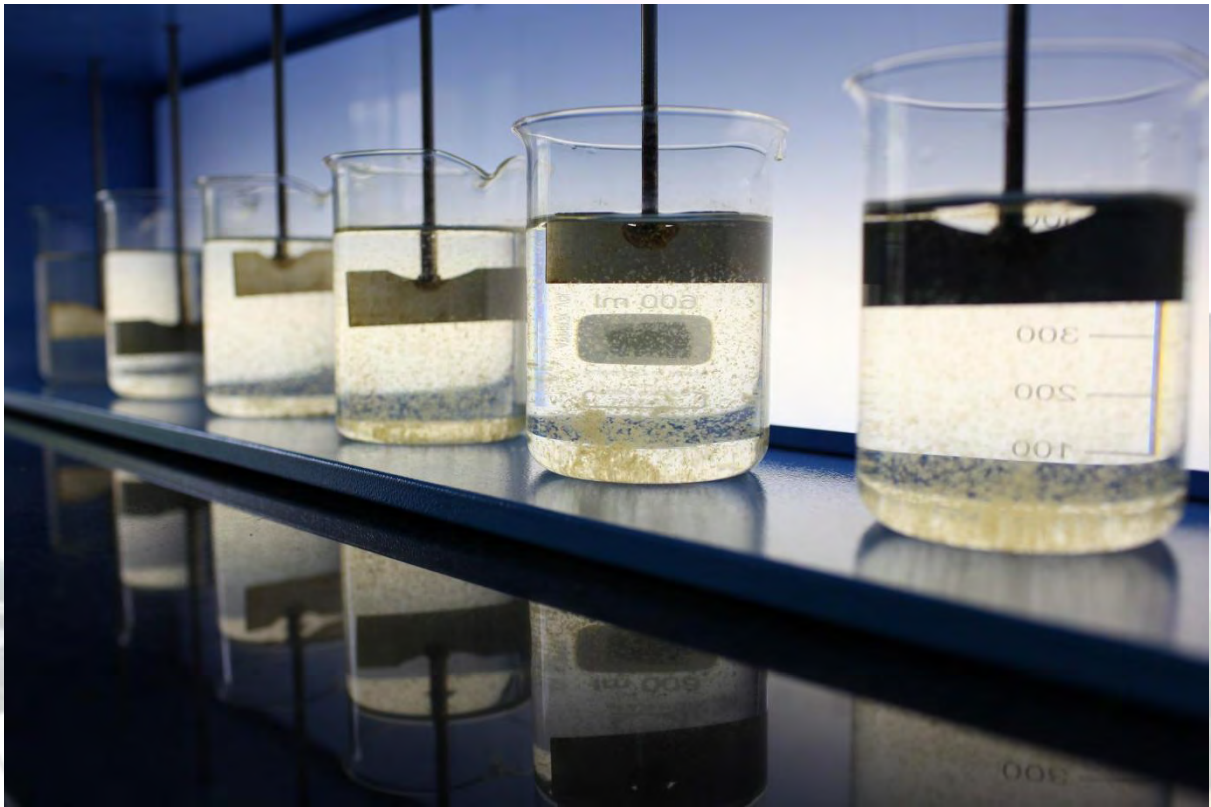
**Trân trọng,
Chủ tịch Hội đồng quản trị**



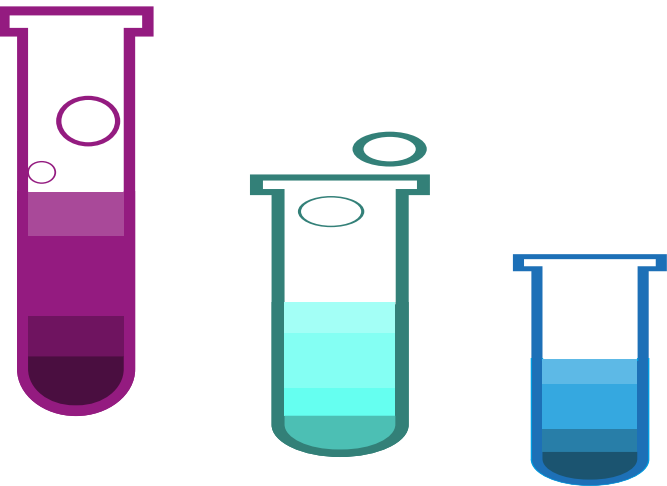
THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Lịch sử hình thành và phát triển
- Lĩnh vực hoạt động
- Sản phẩm tiêu biểu
- Mô hình quản trị, Sơ đồ tổ chức
- Mục tiêu và định hướng tương lai
- Các yếu tố rủi ro





Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM
Tên tiếng anh	SOUTH BASIC CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số	0301446260
Vốn điều lệ	442.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư chủ sở hữu	442.000.000.000 đồng
Địa chỉ	22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(08) 3829 6620 – (08) 3822 5373
Số fax	(08) 3824 3166 – (08) 38239109
Website	www.sochemvn.com
Mã cổ phiếu	CSV





LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

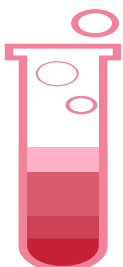
- ✚ Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp.
- ✚ Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất.
- ✚ Gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực – trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).
- ✚ Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất.
- ✚ Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực – trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, luyện kim đúc).
- ✚ Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite.
- ✚ Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất.
- ✚ Chế biến các sản phẩm muối ăn dùng trong thực phẩm.

ĐẠ BÀN HOẠT ĐỘNG

Công ty tiêu thụ rộng khắp ở các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ và TP.Hồ Chí Minh.

SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

- ✚ Nhóm hóa chất vô cơ cơ bản: Natri silicat các loại, Xút (NaOH) 20%-32%-45%-50%; Clor lỏng (Cl_2); Phốtpho vàng (P_4); ...
- ✚ Nhóm hóa chất xử lý nước: Poly Aluminium Chloride-PAC 10%-17%; Phèn-Nhôm sunfat 7%-15%-17%; ...
- ✚ Nhóm các loại muối và hóa chất khác: Natri Phốtphát (Na_3PO_4); Natri Dihydrôphốtphát (NaH_2PO_4); Diammonium Phốtphát – DAP ($(\text{NH}_4)_2\text{HPO}_4$); ...



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất 6 đơn vị đóng trên nhiều địa bàn khác nhau. Do cơ sở vật chất ban đầu còn thiếu thốn, môi trường sản xuất kinh doanh bị trói buộc bởi cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, từ đó tính chủ động sáng tạo trong sản xuất kinh doanh không được phát huy, vai trò của tiến bộ khoa học kỹ thuật không được coi trọng, sức sản xuất bị kiềm hãm do đó năng suất chất lượng thấp, không có những bước phát triển đáng kể. Chủ yếu trong giai đoạn này là tập trung mọi nỗ lực để duy trì sản xuất ổn định nhằm phục vụ yêu cầu cấp bách của nền kinh tế theo những chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước.

Ngày 13/02/1993 Bộ Công nghiệp nặng ra Quyết định số 64/CNNg/TC về việc thành lập lại Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam và các đơn vị trực thuộc.

Đây là giai đoạn mà công cuộc đổi mới đất nước theo đường lối của Đảng, đất nước có nhiều khởi sắc tạo tiền đề cho sản xuất trong nước phát triển. Bước vào cơ chế thị trường dù còn nhiều khó khăn, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giúp đỡ của các cơ quan quản lý cấp trên cùng với sự cố gắng của Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty và các đơn vị trực thuộc nên tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tăng trưởng đều đặn, thị trường ngày càng mở rộng. Việc đầu tư đổi mới công nghệ ở Công ty được triển khai, sản xuất đạt hiệu quả tương đối tốt, đời sống người lao động ngày càng được nâng cao. Mức tăng trưởng bình quân hàng năm của giai đoạn này là 10%/năm.

Thực hiện chủ trương sắp xếp lại các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu, ngày 11/07/2003 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 138/2003/QĐ-TTg về việc chuyển đổi Công ty Hóa chất Cơ bản miền Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam - nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Trong cả giai đoạn này Công ty luôn giữ mức tăng trưởng khá trên các lĩnh vực, đã làm thay đổi vị thế của Công ty với tầm vóc khác hẳn so với giai đoạn trước. Cụ thể từ một doanh nghiệp Nhà nước hạng II, Công ty đã phấn đấu và được Chính phủ công nhận trở thành doanh nghiệp Nhà nước hạng I từ ngày 01/01/2001. Mức tăng trưởng bình quân trong giai đoạn này là 15%/năm.

1976 – 1985

1986 - 1996

1996 -2006

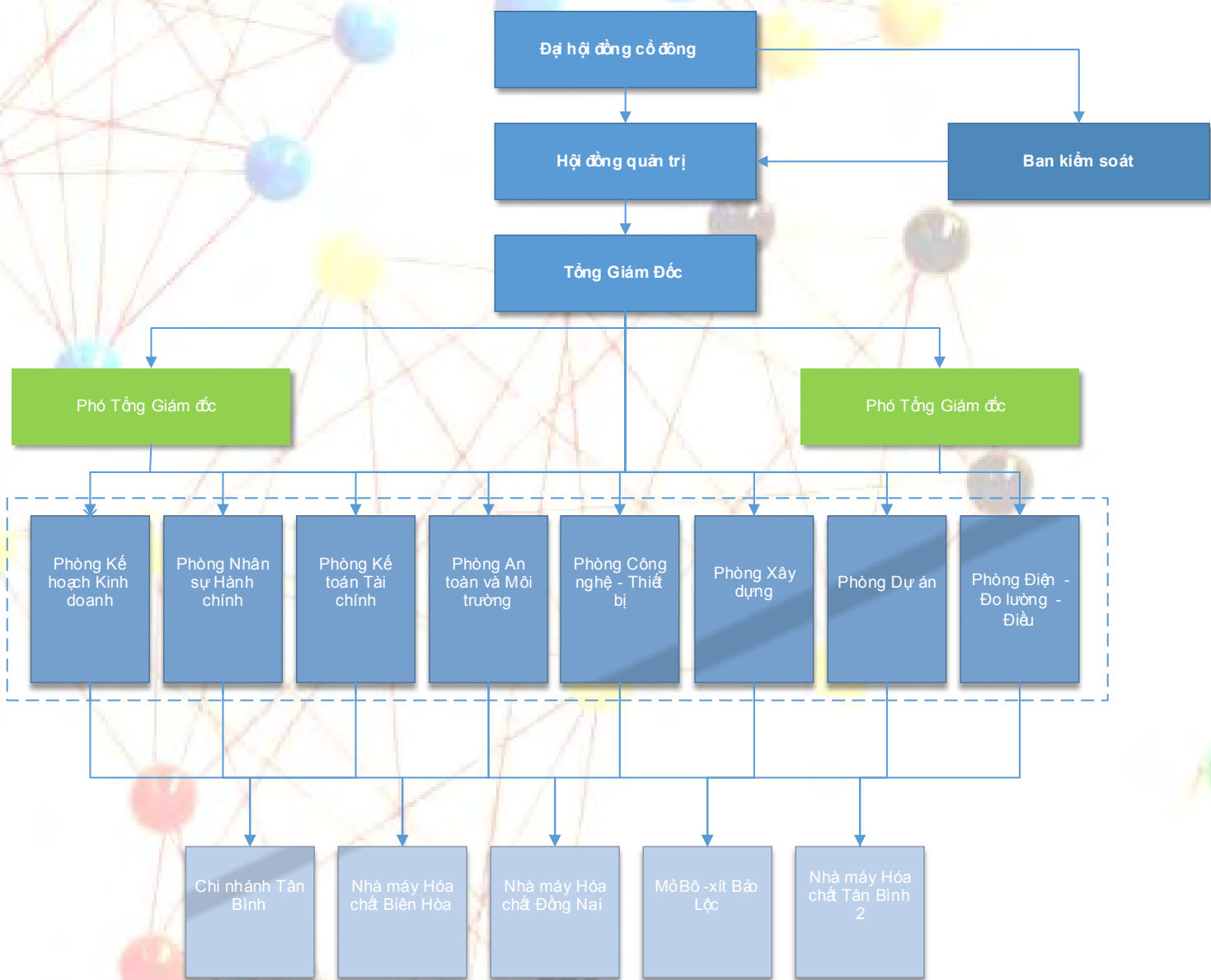
Đây là giai đoạn phát triển mạnh của Công ty: Đắt nước bước vào giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế toàn diện, với những chủ trương đúng đắn. Trong giai đoạn này Công ty luôn giữ được mức tăng trưởng tốt, doanh thu, lợi nhuận, tiền lương và thu nhập của người lao động năm sau đều cao hơn năm trước liền kề. Việc đầu tư đổi mới công nghệ, nâng công suất máy móc thiết bị được đặt lên hàng đầu. Đội ngũ cán bộ quản lý được trẻ hoá có đủ trình độ để thích ứng trước những cơ hội, thách thức và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Môi trường sản xuất luôn được quan tâm và ngày càng hoàn thiện. Điều kiện làm việc của CBCNV và người lao động ngày càng tốt hơn. Các tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng ISO, quản lý môi trường OHSAS... đều được triển khai và hoàn thành trong giai đoạn này.

Ngày 20/08/2012 Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ban hành Quyết định số 243/QĐ-HCVN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản miền Nam lấy thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 0 giờ ngày 01/10/2012. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc tổ chức Đại hội cổ đông thành lập và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2014.

2006 - NAY



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



STRATEGY

❖ Công ty liên kết: không có

❖ Công ty con:

Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam

- Lĩnh vực hoạt động: sản xuất phốt pho vàng (P4)
- Địa chỉ KCN Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại: (84.020) 3863488 - 3863161 Fax: (84.020) 3863037
- Vốn điều lệ 60.487.200.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 65,05% vốn điều lệ

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

Công ty được thành lập nhằm mục đích huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đem lại nguồn lợi nhuận ngày tăng cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Trên nền tảng phát triển ổn định của hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu, Công ty sẽ cân nhắc việc đa dạng hóa ngành nghề, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh khi có điều kiện thích hợp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- Chiến lược thị trường: khai thác thị trường theo chiều rộng (phát triển mạng lưới đại lý, mạng lưới phân phối đối với những sản phẩm hiện có) và chiều sâu (phát triển thêm khách hàng ở thị phần hiện tại);
- Chiến lược sản phẩm: Tăng cường công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm để sản xuất ra những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường;
- Tạo sự khác biệt thông qua năng lực cốt lõi: Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO về môi trường.

MỤC TIÊU THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Đối với cán bộ nhân viên. Chúng tôi luôn tâm niệm rằng, trong bất cứ tập thể nào, người lao động được tôn trọng và ghi nhận một cách xứng đáng công sức của mình thì họ sẽ cống hiến hết mình cho Công ty. Hiện tại với số lượng công nhân viên của Công ty là 698 người, tuy nhiên Công ty luôn chú trọng và khuyến khích công tác đào tạo, tự học hỏi để nâng cao tay nghề cho từng cá nhân một. Trong lĩnh vực hóa chất với yêu cầu khắt khe về mặt an toàn kỹ thuật thì năng lực của người lao động luôn luôn được chúng tôi quan tâm. Cùng với việc trả tiền lương đúng hạn và phù hợp với năng lực người lao động, chúng tôi cũng luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của cán bộ công nhân viên khi luôn có chính sách tặng quà, thăm hỏi, trợ cấp ốm đau, trợ cấp tai nạn nghề nghiệp, thường xuyên tổ chức và phát động các phòng trào văn hóa, văn nghệ, thể thao...

Đối với khách hàng và đối tác. Trách nhiệm đối với khách hàng là luôn mang đến những sản phẩm, dịch vụ làm hài lòng khách hàng. Do đặc thù là kinh doanh hóa chất nên Công ty luôn lập dữ liệu an toàn hóa chất cho mỗi loại sản phẩm hóa chất nhằm phổ biến khách hàng để hỗ trợ khách hàng tối đa trong việc sử dụng sản phẩm của Công ty. Bên cạnh đó, sản phẩm của Công ty chủ yếu là tư liệu sản xuất của các ngành sản xuất khác nên thị trường đầu ra cũng tương đối ổn định nhưng không vì thế mà Công ty chủ quan, chúng tôi luôn chú trọng công tác đảm bảo uy tín chất lượng, đầu tư nghiên cứu nhằm đảm bảo không ngừng tạo ra những sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng. Chúng tôi luôn giám sát, theo dõi, xử lý khiếu nại của khách hàng nhằm giữ vững mối quan hệ thân thiết với khách hàng hiện tại và tạo bước đà để quảng bá thương hiệu, tìm kiếm thêm khách hàng tiềm năng thông qua uy tín của Công ty.

Đối với cổ đông và nhà đầu tư:

Công ty được thành lập nhằm mục đích huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản chủ yếu, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đem lại nguồn lợi nhuận ngày càng cao,

đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh. Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên luôn đặt mình vào tâm thế luôn luôn nỗ lực để đóng góp tích cực góp phần tạo nên sự phát triển bền vững cho Công ty, qua đó, ngày càng được nâng cao giá trị của các cổ đông. Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi kinh doanh có lãi và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật đảm bảo sự cân bằng và hài hòa lợi ích của các bên với sự đồng thuận cao giữa cổ đông, người lao động và cộng đồng. Nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư được cung cấp thông tin công khai và minh bạch theo các quy định thì những thông tin liên quan đến Công ty được trình bày ở trên trang web Công ty tại địa chỉ: <http://www.sochemvn.com/>



Đối với cộng đồng

Trong phạm vi hoạt động của mình, cộng đồng xã hội không chỉ là tập thể cán bộ công nhân viên, khách hàng đối tác mà còn là toàn thể cộng đồng xã hội nói chung. Thực hiện các hoạt động xã hội ở chúng tôi chính là xây dựng nét văn hóa hướng chân, thiện, mỹ trong toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên Công ty. Ngoài ra, chúng tôi còn luôn ấp ủ mong ước nhân rộng ra các đối tượng khách hàng, đối tác, cổ đông Công ty. Đối với chúng tôi, công tác xã hội không nhằm mục đích đánh bóng tên tuổi mà phải xuất phát ý thức trách nhiệm của chúng tôi vừa là hoạt động vừa hỗ trợ cộng đồng mà cũng chính là bước đi trong con đường phát triển bền vững của chúng tôi.

Đối với môi trường

Là một nhà sản xuất hóa chất kinh nghiệm và uy tín, chúng tôi luôn nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, các vấn đề an toàn và sức khỏe cho cộng đồng liên quan đến việc sử dụng các sản phẩm hóa chất. Công ty đã không ngừng đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất tiên tiến, giảm thiểu các chất thải phát sinh, nâng cao các tiêu chuẩn an toàn sức khỏe nghề nghiệp cho người sản xuất hóa chất. Chúng tôi cam kết luôn theo đuổi mục tiêu vì một môi trường trong sạch và an toàn hơn cho tất cả mọi người.

Công ty cũng cam kết cung cấp đầy đủ thông tin về hóa chất. Cung cấp phiếu dữ liệu an toàn hóa chất cho khách hàng ngay khi giao sản phẩm. Hỗ trợ khách hàng phòng ngừa và xử lý sự cố liên quan đến các hóa chất do chúng tôi sản xuất, bộ phận kỹ thuật Công ty sẵn sàng huấn luyện kỹ thuật sử dụng hóa chất theo yêu cầu của khách hàng, hỗ trợ thiết kế, lắp đặt và hướng dẫn vận hành kho hóa chất bảo đảm kiểm soát an toàn, ngăn ngừa rủi ro, phòng tránh sự cố tai nạn, bệnh nghề nghiệp có thể gây tổn thất sản xuất, thiệt hại tài sản và tác động xấu đến môi trường.



CÁC RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp đến các ngành nghề kinh tế nói chung và ngành hóa chất nói riêng. Khi kinh tế tăng trưởng, nhu cầu hóa chất trong công nghiệp, nông nghiệp và tiêu dùng cũng tăng và ngược lại, do đó sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm hóa chất là nguyên liệu đầu vào của nhiều ngành công nghiệp, có thể nói, môi trường kinh tế vĩ mô có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2014, GDP tăng trưởng 5,98% với sự tăng tốc khá tốt trong nửa cuối năm, đặc biệt là trong Quý 4 với mức tăng đến 6,96%.

Đối với tình hình thế giới, với tốc độ tăng trưởng GDP trong quý II và quý III lần lượt đạt mức cao nhất trong vòng hơn một thập kỷ qua (4,6% và 5,0%), nền kinh tế Mỹ được nhìn nhận là điểm sáng trong bức tranh u ám của kinh tế toàn cầu trong năm 2014. Tuy nhiên, Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, tuy vẫn có mức tăng trưởng cao, nhưng tốc độ đã sụt giảm khá mạnh chỉ còn 7,3% năm 2014 và dự báo là 6,6% trong năm 2015 so với mức tăng bình quân 10 năm trước (9% - 10%). Khu vực đồng tiền chung Châu Âu tăng trưởng với mức âm 0,4% năm 2014.

Như vậy, mặc dù tình hình trong nước có những yếu tố tích cực, nhưng những rủi ro đang tiềm ẩn, nhất là căng thẳng chính trị tại một số quốc gia, khu vực kinh tế, có xu hướng gia tăng; những rủi ro trên thị trường tài chính vẫn tồn tại, tình trạng nợ công chưa được giải quyết triệt để vẫn là những rủi ro tiềm ẩn.



Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Công ty thường xuyên phải huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo cho nhu cầu vốn lưu động và nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, do ảnh hưởng của chính sách tiền tệ quốc gia, tình hình lãi suất trong các năm gần đây cũng có nhiều biến động bất thường. Trong trường hợp lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí hoạt động, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đang từng bước giảm thiểu rủi ro này thông qua các biện pháp nhằm giảm nhu cầu vốn lưu động, tăng vòng quay tiền tệ, tối ưu tỷ lệ hàng tồn kho, cân đối hoạt động sản xuất và tiêu thụ...





Rủi ro giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào

Chi phí nguyên vật liệu, năng lượng chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất nên biến động của giá nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn hàng bán và ảnh hưởng đến khả năng tạo lợi nhuận của Công ty. Thời gian gần đây, giá một số loại nguyên, nhiên vật liệu như muối công nghiệp, than, xăng dầu... đều tăng đã đẩy chi phí sản xuất sản phẩm lên cao. Một phần nguyên liệu của Công ty được cung cấp từ các nguồn nhập khẩu, nên sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá ngoại tệ. Tuy nhiên, các nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào của Công ty đều là các đối tác truyền thống, có năng lực, có uy tín trên thị trường nên Công ty vẫn ổn định được nguồn nguyên liệu cho sản xuất và giảm thiểu được những rủi ro đầu vào. Bên cạnh đó, mặt hàng hóa chất không phải là một trong những mặt hàng thiết yếu nên không chịu sức ép điều tiết giá của Chính phủ. Hàng năm, Công ty thường xuyên có điều chỉnh giá, đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tương đối ổn định.

Rủi ro khác

Ngoài ra một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến Công ty như các hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: luật doanh nghiệp, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các quy định về bảo vệ môi trường... Khi tham gia thị trường chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán. Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của thời kỳ hội nhập kinh tế thế giới, hệ thống văn bản pháp quy chưa hoàn thiện, chưa đồng bộ và hòa nhập với hệ thống luật, cũng như thông lệ quốc tế. Là một đất nước đang phát triển, các thể chế, chính sách cũng như pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên thường có sự thay đổi. Chính sách và pháp luật có tác dụng định hướng phát triển chung cho nền kinh tế cũng như cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi thay đổi về mặt chính sách và pháp luật có thể tạo cơ hội hay rủi ro cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Rủi ro ô nhiễm môi trường

Đặc thù của ngành sản xuất hóa chất là có khả năng gây ô nhiễm môi trường cao và nếu xảy ra thì hậu quả rất nghiêm trọng. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hóa chất nên các vấn đề liên quan đến xử lý chất thải, giảm thiểu các tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường luôn được Công ty chú trọng, đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn của Nhà nước. Do đó, Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm và kiểm tra chất thải nhằm đảm bảo theo đúng quy chuẩn môi trường của Nhà nước. Công ty cũng liên tục cải tiến các dây chuyền nhằm tăng năng suất và hạn chế, giảm bớt các thành phần độc hại trong chất thải.



HOẠT ĐỘNG NỘI BẬT TRONG NĂM

Niên yết cổ phiếu lần đầu trên HOSE



Hội thao viên chức lao động



Hội diễn văn nghệ quần chúng khu vực phía Nam







TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2014

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 - Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
 - Tình hình tài chính
 - Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư





Trong năm nay, Công ty đã hoàn thành 1.566 tỷ đồng doanh thu, tăng trưởng 2,32% so với năm 2013 và đạt 108% kế hoạch trong năm. Về chỉ tiêu lợi nhuận, Công ty đã đạt 140,3 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, với mức tăng trưởng là 7,97% và đạt 122% kế hoạch đề ra. Hầu hết các sản phẩm của Công ty đều thực hiện vượt kế hoạch đề ra ngoại trừ sản phẩm axit photphoric do Nhà máy Hóa chất Đồng Nai đang gặp những hạn chế nhất định trong việc tiêu thụ, dây chuyền sản xuất hoạt động khoảng 30% công suất thiết kế do gặp sự cạnh tranh từ sản phẩm cùng loại nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc.

Các chỉ tiêu đạt được trong năm:

Chỉ tiêu	Đvt	KH 2014	TH 2013	TH 2014	%KH	YoY
Sản phẩm sản xuất						
Xút lỏng 100% NaOH	Tấn	30.000	26.547	32.085	107%	121%
Axit Clohydric 32% HCl	Tấn	68.200	61.692	72.124	106%	117%
Clo lỏng	Tấn	4.050	3.916	4.402	109%	112%
Silicate	Tấn	28.000	21.420	32.101	115%	150%
Javel	Tấn	20.400	13.371	18.232	89%	136%
PAC	Tấn	13.900	12.014	14.177	102%	118%
Dung dịch sắt III Clorua	Tấn	9.400	5.734	8.903	95%	155%
Axit Sunphuric	Tấn	55.000	51.437	53.496	97%	104%
Phèn đơn các loại	Tấn	7.000	6.934	6.986	100%	101%
Axit Phốtphoric	Tấn	2.000	2.273	2.011	101%	88%
Phốtpho vàng	Tấn	7.000	7.267	7.728	110%	106%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.456	1.530	1.566	108%	2%
LNST cổ đông công ty mẹ	Tỷ đồng	115,0	129,9	140,3	122%	8%
Tổng các khoản nộp NS	Tỷ đồng	98	122	119	121%	97%

Kết quả sản xuất kinh doanh trên là do trong năm nay chúng tôi có những thuận lợi và khó khăn như sau:

Thuận lợi

Trong năm 2014 tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam là khả quan. Các chỉ tiêu chủ yếu về giá trị sản xuất công nghiệp, doanh thu và lợi nhuận đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Về thị trường nguyên nhiên liệu đầu vào: Nhu cầu nguyên liệu chủ yếu của Công ty là muối công nghiệp, lưu huỳnh và một số lượng nhỏ hóa chất khác như KCl thô, BaCl₂, MgO, soda ash, Al(OH)₃, bột sắ v.v... nhìn chung trong thời gian qua, tình hình cung ứng vẫn ổn định, không có sự biến động lớn về giá cả trong đó mặt hàng muối công nghiệp và lưu huỳnh có chiều hướng giảm nhẹ.

Việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu, có thế mạnh của Công ty trong năm nay gặp nhiều thuận lợi, một số các dự án về xử lý nước, khí đệm, phân bón, chất tẩy rửa... vẫn đang được mở rộng đầu tư thêm dẫn đến lượng tiêu thụ các sản phẩm như Xút lỏng, axit HCl, sản phẩm gốc clo, Silicate và các sản phẩm hóa chất khác của Công ty tăng cao, phát huy hết công suất của nhà máy, góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.

Ngoài ra, hoạt động sản xuất của Công ty Vedan (đối thủ cạnh tranh chủ yếu của Công ty) gặp nhiều khó khăn và phải giảm công suất sản xuất nên đã phần nào tác động tích cực đến việc tiêu thụ sản phẩm Công ty.

Khó khăn

Về xuất nhập khẩu trong năm 2014 Công ty không đạt được kế hoạch, nguyên nhân là do các sản phẩm của Công ty sản xuất không cạnh tranh được với sản phẩm cùng loại của Trung Quốc.

Về việc đầu tư mở rộng: hiện nay nhu cầu thị trường về sản phẩm Xút -Clo là rất lớn tuy nhiên do các nhà máy trực thuộc Công ty tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1 đang nằm trong diện di dời theo quyết định chuyển đổi công năng của tỉnh Đồng Nai, nên việc đầu tư mở rộng sản xuất tại các nhà máy này là không thể thực hiện được trong khi việc tìm kiếm vị trí để phù hợp để di dời các nhà máy này đang gặp nhiều khó khăn do chủ trương không thu hút đầu tư ngành hóa chất của các khu công nghiệp lân cận.

Tại Chi nhánh Công ty ở Quận Tân Bình, do tình hình sản xuất kinh doanh sản phẩm Hydroxyt nhôm gặp nhiều khó khăn, kinh doanh không hiệu quả kéo dài do cạnh tranh về giá bán từ Tổ hợp Bôxít nhôm Tân Rai của Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam nên đã phải dừng sản xuất từ cuối năm 2013. Bên cạnh đó, trong thời gian qua UBND TP.HCM đã có quyết định thu hồi trên 50% diện tích đất tại Chi nhánh của Công ty để phục vụ cho việc xây dựng công trình phúc lợi xã hội nên cũng không thể tiếp tục duy trì hoạt động dây chuyền sản xuất bột nhôm tại đây do không đủ diện tích để bố trí mặt bằng thiết bị kho bãi và văn phòng để phục vụ cho sản xuất. Việc dừng sản xuất tại Chi nhánh Công ty kéo theo ngừng hoạt động khai thác tuyển quặng bôxít tại Mô bôxít Bảo Lộc. Công ty đã lập phương án tái cơ cấu và giải quyết lao động dời dư báo cáo Tập đoàn. Việc dừng hẳn sản xuất tại hai đơn vị nói trên cũng ảnh hưởng một phần đến các chỉ tiêu về giá trị SXCN cũng như doanh thu của Công ty trong năm 2014 và những năm tiếp theo.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát – Ban điều hành

STT	Họ Tên		Chức vụ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Ông	Lê Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông	Lê Thanh Bình	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Ông	Trịnh Tuấn Minh	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông	Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Ông	Phạm Thanh Tùng	Thành viên Hội đồng quản trị
BAN KIỂM SOÁT			
1	Bà	Lê Thúy Mai	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông	Lê Tùng Lâm	Thành viên Ban kiểm soát
BAN ĐIỀU HÀNH			
1	Ông	Nguyễn Hữu Thọ	Tổng Giám đốc
2	Ông	Nguyễn Hoài Phú	Phó Tổng giám đốc
3	Ông	Hoàng Minh Đức	Phó Tổng giám đốc
4	Bà	Lê Thị Ngọc Diệp	Kế toán trưởng



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Văn Hùng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Trung cấp Lý Luận

Quá trình công tác

Gia nhập CSV năm 1987. Trên 30 năm hoạt động tại Công ty, từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại các phòng ban khác nhau như phòng Kế Hoạch, phòng Kế toán- Tài chính, phòng Kế Hoạch Kinh doanh; ...

Từ 2014 đến nay ông Lê Văn Hùng được cổ đông tin tưởng giao nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.

Ông Lê Thanh Bình

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Trên 20 năm làm việc và công hiến cho Công ty, từng đảm nhiệm vị trí Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh

Từ 2014 đến nay Ông Lê Thanh Bình được giao nhiệm vụ Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam.



Ông Trịnh Tuấn Minh

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính ĐH New South Wales, Sydney – Úc, Cử nhân Kinh doanh tiền tệ ĐH Kinh Tế TP. HCM

Quá trình công tác

Trước khi gia nhập CSV Ông Trịnh Tuấn Minh từng có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán và tư vấn tài chính.

Từ 2008 đến nay Ông Minh đảm nhiệm Trưởng phòng Đầu tư VinaCapital Corporate Finance.

Ông Nguyễn Hữu Thọ

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa, Cử nhân Ngoại ngữ Anh

Quá trình công tác

30 năm làm việc tại CSV, Ông Nguyễn Hữu Thọ từng kinh qua các vị trí Phó phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật, Phó Tổng giám đốc.

Từ 01/2014 đến nay Ông Thọ đảm nhiệm vị trí Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

Ông Phạm Thanh Tùng

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành Kinh tế Hóa chất, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Ông Phạm Thanh Tùng có nhiều năm làm việc tại Công ty Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ, Ban Kế hoạch thị trường Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam.

Từ 2006 đến nay Ông Tùng đảm nhiệm Phó Trưởng ban, Ban Kế hoạch - Kinh doanh Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam).



BAN KIỂM SOÁT

Bà Lê Thúy Mai

Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

Bà Lê Thúy Mai từng hoạt động trong lĩnh vực Kế toán tại Công ty Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao. Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam. 18 năm với vai trò Trưởng phòng kế toán Trung tâm Thông tin KHKT Hóa chất.

Bà Nguyễn Thanh Bình

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Hóa vô cơ; Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Từ 2014 đến nay bà Bình vừa là Thành viên Ban kiểm soát kiêm Trưởng phòng Nhân sự -Hành chính Công ty.

Trước đó bà Bình từng hoạt động tại Xí nghiệp Đúc số 1, Công ty cơ khí, Nhà máy Hóa chất Tân Bình, phòng Nhân sự -Hành chính, ...

Ông Lê Tùng Lâm

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - kế toán

Quá trình công tác

Gia nhập Công ty từ năm 1997, từng làm việc qua nhiều phòng ban khác nhau như phòng Kế hoạch, Ban Tài chính, phòng Kế toán-Tài chính, phòng Nhân sự - Hành chính, ...

Từ 2014 đến nay Ông Lâm là Thành viên ban kiểm soát, Thư ký Công ty, Phó phòng Nhân sự Hành chính.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Hữu Thọ

Tổng giám đốc

Xem phần Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hoài Phú

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác

Ông Nguyễn Hoài Phú gia nhập Công ty từ năm 1982. Trên 30 năm làm việc tại công ty, ông Phú đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng: Kế toán trưởng nhà máy hóa chất Tân Bình, Kế toán trưởng Công ty và tham gia điều hành với vai trò Phó tổng giám đốc từ 2011 đến nay.

Ông Hoàng Minh Đức

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện hóa, cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Ông Hoàng Minh Đức giữ nhiệm vụ Phó tổng giám đốc Công ty từ năm 2006 đến nay. Trước đó ông Đức từng hoạt động tại Viện kỹ thuật nhiệt đới bảo vệ môi trường, tham gia điều hành nhà máy Hóa chất Biên Hòa từ 1993 đến nay.

Bà Lê Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác

Bà Lê Thị Ngọc Diệp có trên 20 năm làm việc tại phòng Kế toán Tài chính của Công ty. Bà Diệp đảm các vị trí: Nhân viên, Phó trưởng phòng KTTTC, trưởng phòng KTTTC Công ty từ 2011 đến nay.

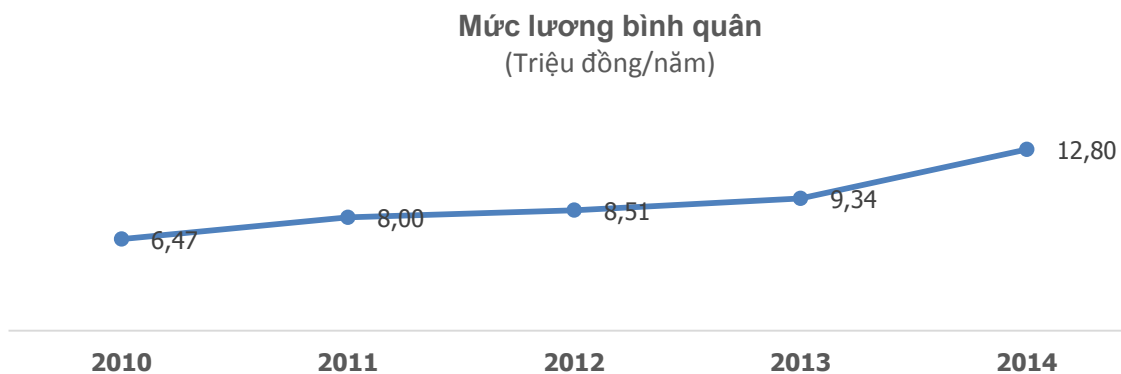
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Cơ cấu lao động trong Công ty tính tại thời điểm 01/12/2014

Tiêu chí	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ chuyên môn	698	100%
Trên đại học, đại học	170	24,35%
Cao đẳng	128	18,34%
Trung cấp	256	36,68%
Lao động phổ thông	144	20,63%
Phân loại theo thời hạn hợp đồng	698	100%
Hợp đồng không xác định thời hạn	617	88,40%
Hợp đồng có xác định thời hạn	81	11,60%
Phân loại theo tính chất lao động	698	100%
Lao động trực tiếp	439	62,89%
Lao động gián tiếp	259	37,11%

Nguồn: Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (Đơn vị: đồng/người/tháng)



Mức lương bình quân của mỗi cán bộ công nhân viên Công ty không ngừng tăng qua các năm. Năm 2011, mức lương bình quân tăng mạnh (tăng 23,65%) so với năm trước đạt 8.000.000 đồng/người/tháng. Mức lương bình quân hiện nay của Công ty khoảng trên 12 triệu đồng/người/tháng đang ở mức trung bình so với các doanh nghiệp trong ngành. Với tiềm lực phát triển của Công ty, chắc chắn mức thu nhập của người lao động sẽ vẫn tiếp tục được cải thiện trong những năm tới đây.



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Thời gian làm việc

Thời gian làm việc không quá 8 giờ trong 1 ngày, 40 giờ trong 1 tuần. Trường hợp do yêu cầu sản xuất, cần bố trí làm thêm giờ thì thời gian làm thêm giờ không quá 4 giờ trong 1 ngày, 30 giờ trong 1 tháng và 200 giờ trong 1 năm.

Chế độ nghỉ việc riêng, ốm đau, thai sản, lễ Tết... đều được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Luật lao động.

Công ty khuyến khích mọi hình thức nghỉ ngơi để động viên CBCNV nhân các ngày truyền thống, kỷ niệm của Công ty và đơn vị trực thuộc

Điều kiện làm việc

Người lao động được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, dụng cụ làm việc, máy móc thiết bị cần thiết đảm bảo chất lượng, điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định hiện hành.

Chính sách tuyển dụng

Tùy theo chức danh, chức vụ đảm nhiệm, Công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng như tất cả đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như trình độ chuyên môn; tính chủ động, sáng tạo và nhiệt tình trong công việc. Đối với các chức danh quan trọng như cán bộ quản lý điều hành các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe với các tiêu chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ đại học trở lên, kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, dự báo, thuyết trình, đánh giá công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học. Ngoài ra Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt liên quan tới các nhân viên giỏi, xuất sắc, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, thực hiện chính sách thu hút nhân tài, xem nhân sự là nguồn lực quý báu và quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Công ty.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Công ty thanh toán lương cho người lao động theo hệ số, trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên.

Bên cạnh đó Công ty còn tổ chức các chuyến du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn,...

Tình hình thực hiện các dự án

Nhiệm vụ trọng tâm của Công ty và các đơn vị thành viên trong năm: tập trung đầu tư để hoàn thiện nhằm giữ ổn định, từng bước nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, kho bãi... để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Tích cực tìm kiếm những địa điểm mới để chuẩn bị công tác di dời toàn bộ 3 Nhà máy ra khỏi KCN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai theo lộ trình chung.

Chuẩn bị sẵn những phương án, dự án đầu tư phát triển để có thể triển khai ngay khi điều kiện cho phép.

Tại các đơn vị thành viên: hoạt động đầu tư trong năm chủ yếu mua sắm các trang thiết bị và công nghệ hiện đại để hoàn thiện và nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

- Nhiệm vụ trọng tâm của Công ty và các đơn vị thành viên trong năm: tập trung đầu tư để hoàn thiện nhằm giữ ổn định, từng bước nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, kho bãi... để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Tích cực tìm kiếm những địa điểm mới để chuẩn bị công tác di dời toàn bộ 3 Nhà máy ra khỏi KCN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai theo lộ trình chung.
- Chuẩn bị sẵn những phương án, dự án đầu tư phát triển để có thể triển khai ngay khi điều kiện cho phép.
- Trong năm 2014, Công ty lập, thẩm định và phê duyệt 1 báo cáo kinh tế kỹ thuật; thực hiện chuẩn bị đầu tư 1 dự án nhóm B "Đầu tư đổi mới công nghệ, đảm bảo môi trường cho dây chuyền sản xuất xút 50.000 tấn/năm (giai đoạn 1: 40.000 tấn/năm) tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa" tuy nhiên đã xin dừng thực hiện do gặp nhiều yếu tố bất lợi.
- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư năm 2014: trong năm có 5 dự án, gồm 3 dự án chuyển tiếp và 2 dự án đầu tư mới.
 - + Kế hoạch: 30.412 triệu đồng
 - + Thực hiện: 25.760 triệu đồng
 - + Tỷ lệ hoàn thành so với kế hoạch: 84,7%
 - + Trong 5 dự án trên, đã thực hiện quyết toán vốn đầu tư 4 dự án; còn 1 dự án mua sắm thiết bị lẻ chuyển tiếp sang năm 2015. Năm 2014 đã hoàn tất đầu tư thay thế, đưa vào sử dụng các thiết bị theo kế hoạch nhằm đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất ổn định tại các Nhà máy. Đặc biệt là hệ thống biến thế chỉnh lưu kịp thời đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Nhà máy hóa chất Biên Hòa, góp phần tăng sản lượng sản xuất; thiết bị trao đổi nhiệt tại Nhà máy hóa chất Tân Bình 2, kịp thời đưa vào lắp đặt theo đúng kế hoạch đã đề ra.
- Hoạt động đầu tư trong năm chủ yếu là mua sắm các trang thiết bị và công nghệ hiện đại để hoàn thiện và nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CON

Tại Công ty cổ phần phốt pho Việt Nam mà Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam nắm giữ 65,05% vốn điều lệ thì tình hình sản xuất cũng đang đối mặt với thử thách do nhiều nhà máy sản xuất phốt pho trong nước được đầu tư mới, đồng loạt đi vào hoạt động dẫn đến cung vượt cầu, làm giảm giá bán của sản phẩm phốt pho. Bên cạnh đó, việc nhiều nhà máy mới đi vào hoạt động dẫn đến tình hình cung cấp nguyên liệu quặng Apatit cũng gặp khó khăn và chất lượng quặng không bảo đảm, làm cho giá thành sản xuất phốt pho tăng cao trong khi giá bán ngày càng giảm kéo theo lợi nhuận giảm. Mặc dù doanh thu đạt 543 tỷ đồng, tăng trưởng 3,6% so với năm trước, tuy nhiên kết quả lợi nhuận sau thuế là 51,41 tỷ đồng, giảm 16,15% so với năm ngoái.

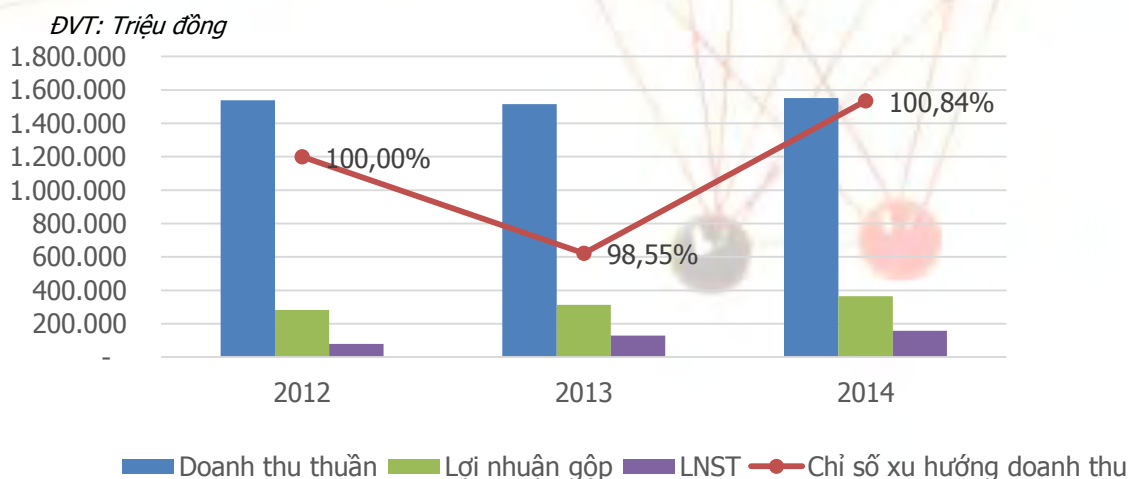
Chỉ tiêu	2013	2014	YoY
Doanh thu	524	543	3,6%
Lợi nhuận sau thuế	61,34	51,41	-16,15%
Biên LNST	11,71%	9,47%	-19,13%

Tình hình tài chính

Với nhiều năm hoạt động trong ngành, Công ty đã xây dựng được thương hiệu với khách hàng bằng uy tín và chất lượng sản phẩm. Các dây chuyền sản xuất của Công ty đều được đầu tư với công nghệ tiên tiến, đảm bảo chất lượng sản phẩm và môi trường sinh thái. Khách hàng truyền thống của Công ty là đối tác chiến lược, luôn luôn đảm bảo đơn hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty luôn chú trọng đẩy mạnh công tác bán hàng, marketing, phát triển mạng lưới khách hàng thường xuyên, tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động kinh doanh của từng đơn vị thành viên trong Công ty.

Bên cạnh việc cung cấp sản phẩm, Công ty cũng luôn lập dữ liệu an toàn hóa chất cho mỗi loại sản phẩm hóa chất của Công ty nhằm phổ biến cho người lao động và khách hàng để mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng của mình. Tuy môi trường kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn duy trì được sự ổn định về doanh thu và lợi nhuận với 1.551 tỷ đồng doanh thu và 140 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế tăng lần lượt 2,3% và 8,0% so với cùng kì, hoàn thành 122% kế hoạch lợi nhuận đặt ra.

Kết quả kinh doanh CSV qua các năm



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG – THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ

CỔ PHẦN

Tính đến thời điểm 01/12/2014, tổng số cổ phần của Công ty đã phát hành:

44.200.000

 cổ phần

Trong đó:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 44.200.000 CP
- Cổ phiếu quỹ: 0 CP
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ/CP

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Tổng số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Cổ đông nhà nước	01	28.731.000	65,00
2	Cổ đông trong nước	702	8.152.226	18,45
2.1	Cổ đông tổ chức	02	1.540.000	3,49
2.2	Cổ đông cá nhân	700	6.612.226	14,96
3	Cổ đông ngoài nước	03	7.316.774	16,55
4	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	706	44.200.000	100

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2014, Công ty không có hoạt động tăng vốn nào.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2014, Công ty không có hoạt động mua bán cổ phiếu quỹ nào.

Các chứng khoán khác: không có.







BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển tương lai



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Công ty cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam là một trong những doanh nghiệp sản xuất hóa chất cơ bản hàng đầu tại Việt Nam. Sản phẩm hóa chất của Công ty là nguyên liệu sản xuất của các ngành sản xuất khác trong nền kinh tế quốc dân. Thị trường đầu ra của Công ty hiện nay đang tập trung đáp ứng nhu cầu của các ngành công nghiệp như: thực phẩm, dược phẩm, xử lý nước sinh hoạt, xử lý nước thải, sản xuất giấy, dệt nhuộm, nhiệt điện, dầu khí... Trong năm nay, Công ty hoạt động trong bối cảnh bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng những khó khăn từ những năm trước chưa giải quyết triệt để nên tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế trong nước. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn luôn nhận thức rõ bản thân và môi trường xung quanh nhằm giúp Công ty phát huy những điểm mạnh và hạn chế điểm yếu để nắm bắt lấy cơ hội kinh doanh trong ngành.



SỨC MẠNH VÀ CƠ HỘI

Là một thành viên của Tập đoàn hóa chất Việt Nam nên Công ty được sự hỗ trợ tích cực từ phía Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về mọi mặt để Công ty phát triển. Với nhiều năm hoạt động trong ngành, Công ty đã xây dựng được thương hiệu với khách hàng bằng uy tín và chất lượng sản phẩm.

Dây chuyền công nghệ liên tục được đầu tư cải tiến nhằm nâng cao quy mô và hiệu quả sản xuất của Công ty. Chất lượng sản phẩm của Công ty ngày càng được nâng cao và luôn luôn đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm sản xuất ra theo tiêu chuẩn tự công bố và đáp ứng được yêu cầu ngày một cao của thị trường. Bên cạnh công tác đầu tư công tác bảo đảm an toàn trong sản xuất và bảo vệ môi trường được thực hiện xuyên suốt trong quá trình xây dựng và phát triển của Công ty và luôn được toàn thể Công ty đặt ra là nhiệm vụ trọng tâm, luôn được củng cố, duy trì ngày một tốt hơn.

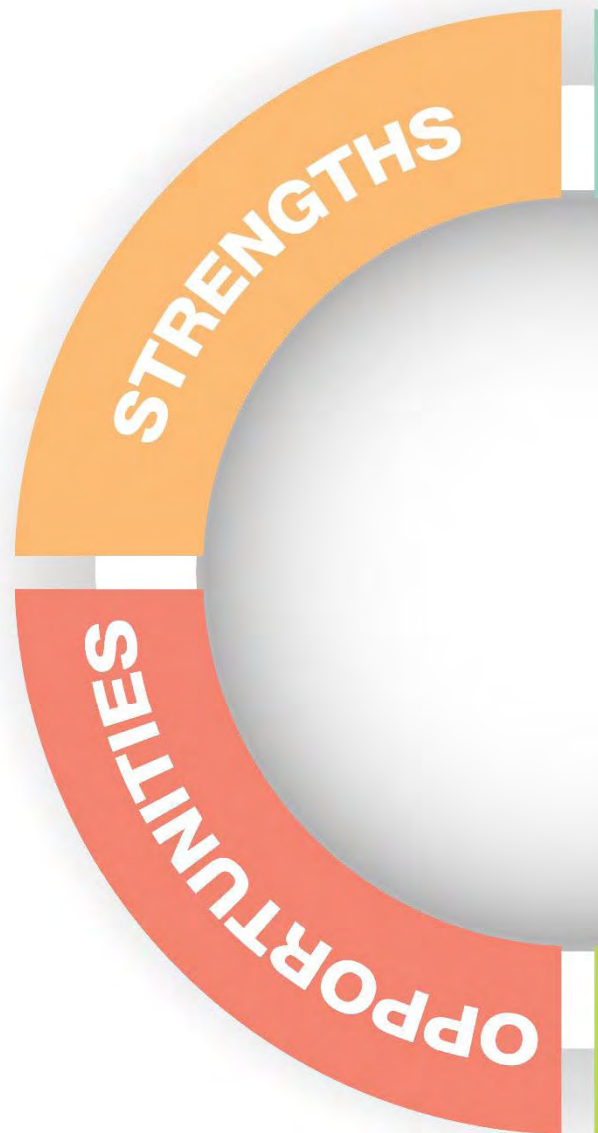
Công ty có được một lực lượng công nhân có tay nghề chất lượng cao, kinh nghiệm lâu năm và yêu nghề.

Công ty có một lượng khách hàng truyền thống là đối tác chiến lược, luôn luôn đảm bảo đơn hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Lãi suất ngân hàng có xu hướng giảm cũng như một số chính sách vĩ mô khác được chính phủ xem là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong việc kiểm soát và ổn định nền kinh tế là một điều kiện tốt cho hoạt động của Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam trong thời gian tới.

Mô hình Công ty cổ phần sẽ giúp cho Công ty có được sự chủ động, tự chủ cao trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển của mình, đồng thời tăng cường tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động không ngừng của tình hình kinh tế, xã hội.

Bên cạnh đó, với lợi thế là Công ty cổ phần, Công ty sẽ có nhiều cơ hội thuận lợi trong việc huy động vốn khi có các dự án đầu tư hiệu quả với thời gian huy động nhanh đặc biệt là khi thị trường chứng khoán ở Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển như hiện nay.



ĐIỂM YẾU VÀ THÁCH THỨC



WEAKNESSES

THREATS

Nguồn vốn đầu tư phát triển cho lĩnh vực hóa chất cơ bản là rất lớn, đều đặn là một khó khăn trong việc huy động vốn phục vụ đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty. Đây cũng là đặc thù chung của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hóa chất.

Quy mô sản xuất và công nghệ chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường đầy tiềm năng.

Cũng như các doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang Công ty cổ phần khác, CSV đã được thành lập và hoạt động dưới chế độ quốc hữu khá lâu, mọi quyết định, kế hoạch kinh doanh đều phụ thuộc sát sao vào Nhà nước. Do đó, việc thích nghi và vận hành tốt theo mô hình mới sẽ là một thách thức không nhỏ đối với Công ty sau cổ phần hóa.

Bên cạnh đó, tình hình cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất trong ngành vẫn đang diễn ra gay gắt. Chính vì vậy, việc giữ vững hoạt động kinh doanh cho Công ty đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong Công ty và có chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả.



Nhìn chung, trong năm nay thị trường tiêu thụ tương đối ổn định, giá nguyên liệu đầu vào trong năm 2014 không có nhiều biến động và nhờ vào chính sách giá bán, công tác chăm sóc khách hàng luôn được thực hiện tốt, nên đã góp phần giúp cho thị phần công ty ngày càng mở rộng. Có thể so sánh hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty với một số đơn vị trong ngành như sau:

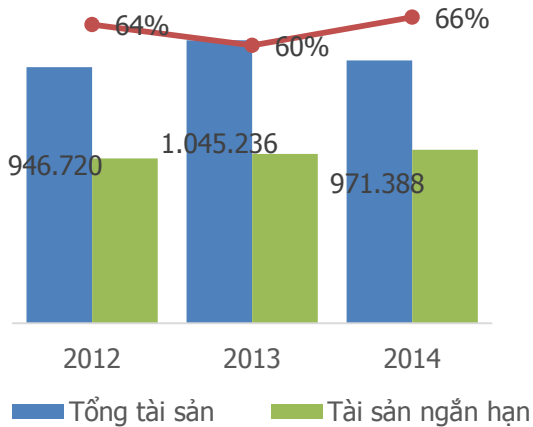
Chỉ tiêu	Đơn vị	CSV	HVT	DGC
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.550.909	368.443	2.036.646
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	140.303	23.713	151.126
Tổng tài sản	Triệu đồng	971.388	368.709	1.679.482
Tỷ suất LN/DT	%	9,0%	6,4%	7,4%
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,5	1,0	1,2

Kết quả này cho thấy, mặc dù Công ty có quy mô chưa phải là lớn nhất nhưng là doanh nghiệp là doanh nghiệp có thể mang lại giá trị đầu tư lâu dài bởi hiệu quả mà Công ty mang lại.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

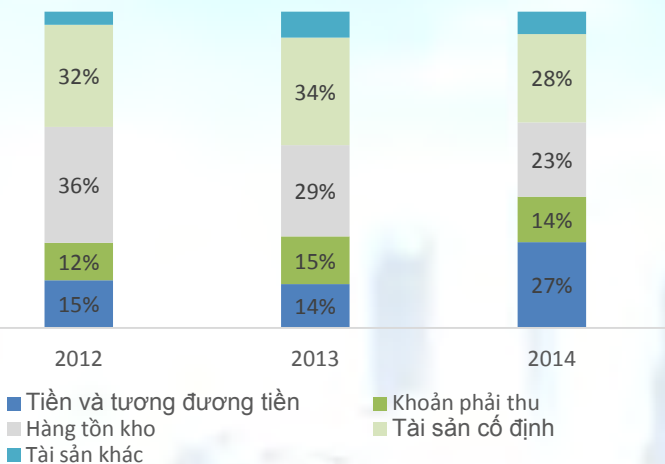
Cơ cấu tài sản CSV qua các năm
(Triệu đồng)



Về cơ cấu tài sản. Tính đến thời điểm ngày 31/12/2014, tổng giá trị tài sản của Công ty là 971,387 tỷ đồng, giảm 7,15% so với năm 2013. Trong cơ cấu tài sản của Công ty, tỷ trọng tài sản ngắn hạn luôn chiếm ưu thế với mức bình quân trên 60% qua các năm và duy trì ở mức ổn định do với ba khoản mục chiếm tỷ trọng lớn chủ yếu là vốn lưu động lần lượt là hàng tồn kho (chiếm 23,4%), khoản phải thu (chiếm 14,3%) và tiền (26,9%). Mặc dù tài sản ngắn hạn tăng trưởng nhẹ 2,4% nhưng tài sản cố định giảm 22,10% đã làm tổng tài sản giảm.

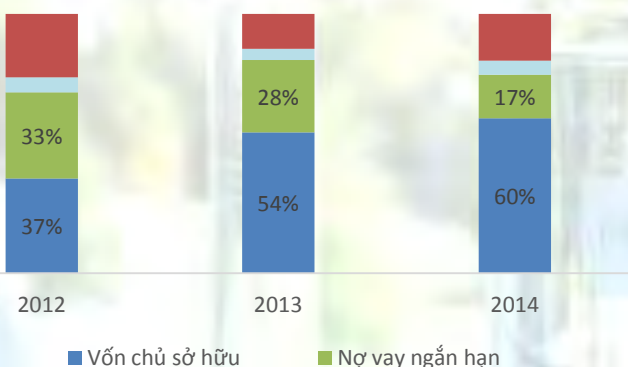
Về nợ phải thu xấu. Không đáng kể. Trong năm 2014, công ty đã trích lập dự phòng khoản phải thu là 255 triệu đồng, chiếm 0,24% tổng giá trị khoản phải thu của công ty.

Cơ cấu tài sản CSV qua các năm



Về tài sản xấu. Không có

Cơ cấu nguồn vốn CSV qua các năm



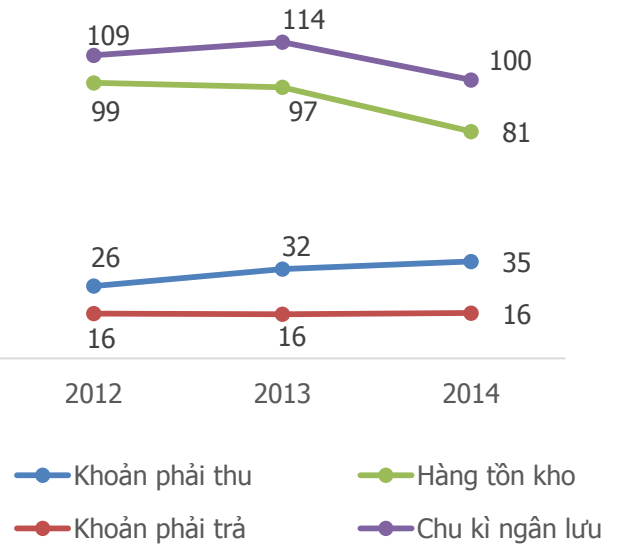
Về cơ cấu nguồn vốn. Cơ cấu tài sản của Công ty rất an toàn vì chủ yếu được tài trợ bởi nguồn vốn tự có của mình, tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản luôn chiếm trên 50% và ở mức là 60% trong năm nay. CSV chỉ có số dư nợ vay dài hạn là 10,6 tỷ đồng do trước mắt công ty chưa có nhu cầu tài chính để đầu tư, mở rộng sản xuất. Do đặc thù là sản xuất và kinh doanh hóa chất nên công ty cần phải vay nợ ngắn hạn để tài trợ cho vốn lưu động trong kì, lãi suất tương đối thấp ở mức bình quân là 6,4%/năm.

Về nợ xấu phải trả. Công ty đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình đối với chủ nợ và nhà cung cấp.

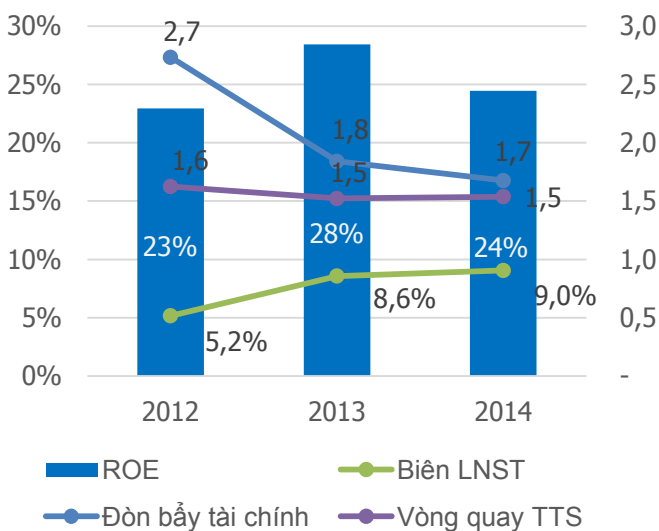
Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá. Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong năm là 648 triệu đồng (Công ty mẹ), 648 triệu đồng (hợp nhất) (ở mức 0,46% lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2014).

Về hiệu quả sử dụng vốn lưu động. Ngoại trừ số ngày thu hồi khoản phải trả của công ty biến động theo chiều hướng tăng nhẹ trong giai đoạn 2012 đến nay do công ty chia sẻ khó khăn với khách hàng. Đối với việc quản lý hàng tồn kho, nhằm đảm bảo cho hoạt động bình thường của Công ty khi có sự đột biến trong ngắn hạn về nguồn nguyên liệu, đặc biệt là đối với những nguyên liệu nhập khẩu, Công ty luôn phải có kế hoạch dự trữ nguồn nguyên liệu ít nhất là 3 tháng và lưu trữ tại kho của các nhà máy trực thuộc. Chỉ số này giảm dần qua các năm và ở mức 81 ngày trong năm nay thể hiện hiệu quả trong công tác quản lý hàng tồn kho của công ty. Bên cạnh nguồn cung cấp ổn định từ các nhà cung cấp đến từ Ấn Độ, Úc, Trung Đông, Nga, Singapore... Công ty còn sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào tại chỗ được cung cấp từ các ty con và Nhà máy trực thuộc nên cũng thuận lợi cho Công ty trong việc sử dụng nguồn nguyên liệu. Việc quản lý các khoản phải trả ở mức ổn định ở mức bình quân là nửa tháng thể hiện uy tín và tiềm lực tài chính ổn định của công ty trong việc thanh toán cho nhà cung cấp. Như vậy, tổng quan thì Công ty quản lý các khoản vốn lưu động của Công ty khá hiệu quả qua các năm.

Số ngày quay vòng



Phân tích Dupont



Phân tích Dupont. Chỉ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu của công ty tăng giảm nhẹ từ mức 28% xuống còn 25% trong năm nay. Phân tích Dupont chỉ ra rằng, mặc dù hiệu quả sử dụng tài sản và biên lợi nhuận trong năm ở mức ổn định và có sự cải thiện nhẹ qua các năm nhưng chỉ số về đòn bẩy giảm qua các năm đã làm cho ROE giảm nhẹ.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Các phòng ban, đơn vị trong Công ty thực hiện công việc theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc đạt hiệu quả và năng suất cao. Bên cạnh đó trong năm nay công tác quản lý kỹ thuật công nghệ và thiết bị, chất lượng sản phẩm; xây dựng chiến lược phát triển sản xuất Công ty; nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ sản xuất và bảo vệ môi trường được cải thiện nên các dây chuyền sản xuất của Công ty đều hoạt động đạt và vượt công suất thiết kế. Chính những yếu tố này đã giúp Công ty hoàn thành tốt kế hoạch được đề ra trong năm.

Kế hoạch phát triển tương lai

Dựa trên thực tế sản xuất kinh doanh năm 2014, 2 tháng đầu năm 2015 và dự báo thị trường, khả năng thực hiện kế hoạch năm 2015, Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam tiến

hành rà soát, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng (SXKD & ĐTXD) năm 2015.

Nhìn chung, tình hình thị trường nguyên nhiên liệu, vật tư thiết bị phục vụ sản xuất không có biến động lớn, ít ảnh hưởng lên dây chuyền sản xuất sản phẩm của Công ty. Tuy nhiên, dự báo trong năm 2015 Công ty HCCB vẫn phải đối mặt nhiều khó khăn thách thức như giá nguyên liệu lưu huỳnh tăng giảm thất thường do tình hình địa chính trị-kinh tế thế giới; sản phẩm H₂SO₄, H₃PO₄, gốc P4 cạnh tranh quyết liệt với hàng giá rẻ từ Trung Quốc và khu vực tư nhân. Do đó kế hoạch năm 2015 của Công ty vẫn là giữ vững ổn định tình hình sản xuất kinh doanh, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Kế hoạch SXKD & ĐTXD năm 2015 của Công ty HCCB được xây dựng và điều chỉnh để làm định hướng và mục tiêu cho toàn thể CB-CNV Công ty góp sức, phấn đấu đạt được mục tiêu đề ra, đảm bảo hoạt động hiệu quả, góp phần hoàn thành kế hoạch chung của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

SỐ TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2014	KH2015	KH2015/2014
1	Giá trị SXCN theo giá thực tế				-
	a. Giá trị SXCN Công ty Mẹ	Triệu đồng	1.017.577	1.044.470	103%
	b. Giá trị SXCN Công ty Con (P4)	Triệu đồng	561.701	440.000	78%
2	Sản phẩm sản xuất				
	Sản lượng sản phẩm sản xuất	Tấn	243.392	251.580	103%
	Sản lượng sản phẩm tiêu thụ	Tấn	214.662	215.056	100%
3	Tổng doanh thu tiêu thụ				-
	a. Doanh thu Công ty Mẹ	Triệu đồng	1.064.111	1.035.863	97%
	b. Doanh thu Công ty Con (P4)	Triệu đồng	543.236	400.000	74%
4	Lợi nhuận trước thuế				
	Lợi nhuận Công ty Mẹ	Triệu đồng	140.419	126.673	90%
	Cổ tức từ P4	Triệu đồng	-	27.000	-
	Lợi nhuận Công ty Con (P4)	Triệu đồng	66.049	32.000	48%
5	Lợi nhuận sau thuế		156.851	150.765	96%
	Lợi nhuận Công ty mẹ	Triệu đồng	105.443	125.805	90%
	Lợi nhuận Công ty con	Triệu đồng	51.408	24.960	48%
6	Tổng số các khoản nợ ngân sách	Triệu đồng	142.059	138.095	97%
7	Tổng mức vốn đầu tư XD CB	Triệu đồng	25.760	16.200	63%



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- **Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty**
- **Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc**
- **Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KINH TẾ, NGÀNH HÓA CHẤT

Các sản phẩm hóa chất cơ bản phục vụ hầu hết cho các ngành kinh tế trong nước, đặc biệt là các ngành công nghiệp. Chính vì vậy nhu cầu đối với ngành hóa chất cũng sẽ phụ thuộc vào sự phát triển nền kinh tế nói chung và tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp nói riêng.

Nền kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu ổn định sau thời kỳ bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế thế giới. Theo số liệu của Tổng cục thống kê: tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2011 đạt 5,89 %, năm 2012 là 5,03%, năm 2013 là 5,42% và GDP 09 tháng đầu năm 2014 ước tính tăng 5,62% so với cùng kỳ năm 2013. Chỉ số CPI bình quân 9 tháng đầu năm tăng 4,61% so với bình quân cùng kỳ năm 2013; Kim ngạch xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2014 ước đạt 109,6 tỷ USD, tăng 14,1% so với kết quả đạt được cùng kỳ năm 2013. Dưới sự điều hành của Ngân

hàng Nhà nước, các chỉ tiêu lạm phát, tỷ giá, lãi suất đã từng bước về mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp.

Nhìn chung, đây là ngành kinh doanh có nhiều triển vọng trong những năm tới và phù hợp định hướng phát triển của Nhà nước. Từ năm 2013 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1621/QĐ-TTg ngày 18/09/2013 về việc Phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020 (có tính đến năm 2030) với nhiều định hướng phát triển sản phẩm hóa chất cơ bản.

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

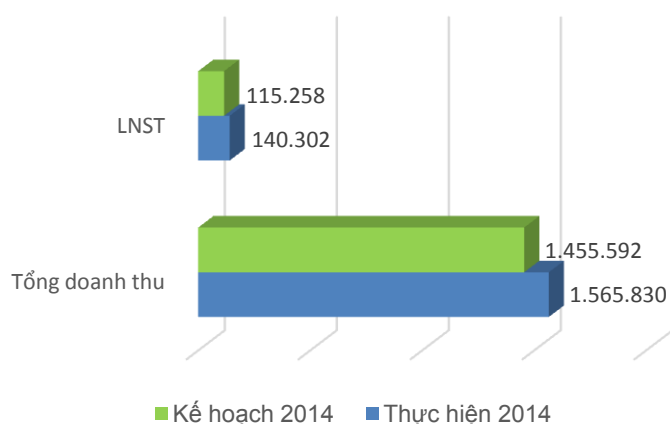
Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong tình hình kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, toàn Công ty đã giữ vững ổn định sản xuất về công suất, chất lượng và tiêu thụ tốt sản phẩm với giá cả linh hoạt; sản xuất luôn gắn liền với an toàn lao động, vệ sinh môi trường, tăng trưởng bền vững và đạt hiệu quả kinh tế phù hợp. Duy trì hoạt động ổn định của máy móc thiết bị, giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tích cực tìm kiếm thêm những nguồn cung ứng vật tư nguyên liệu, thiết bị để có giá cạnh tranh phục vụ cho sản xuất và dự phòng, thực hiện rà soát và điều chỉnh lại hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật. Tiếp tục triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và chính quy công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
- Tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài, bền vững với các đối tác trong và ngoài nước trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi để cùng nhau phát triển.
- Chú trọng đẩy mạnh công tác bán hàng, marketing, phát triển mạng lưới khách hàng thường xuyên, tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động kinh doanh của từng đơn vị thành viên trong Công ty.
- Hoàn thiện và ổn định các dây chuyền sản xuất hiện hữu, tiến hành nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm.
- Song song với công tác phát triển thị trường, Công ty cũng không ngừng tăng cường công tác quản lý hiệu quả hoạt động bán hàng, bảo đảm tính chủ động, tích cực trong công việc bán hàng tăng sản lượng và doanh thu tiêu thụ, đồng thời quản lý công nợ bán hàng, xác định thời hạn thanh toán hợp lý, tăng nhanh vòng quay của vốn, an toàn vốn trong sản xuất kinh doanh.

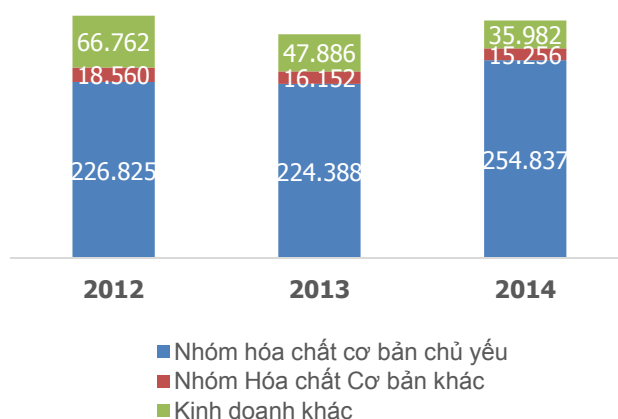
Trong năm nay, Công ty đã đạt những thành tích như sau:

- Tổng doanh thu: 1.568,8 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch đề ra.
- Lợi nhuận sau thuế: 140,3 tỷ đồng, đạt 122% kế hoạch đề ra trong năm.
- Tổng sản lượng kinh doanh: 306.075 tấn hóa chất, trong đó:
 - + Nhóm hóa chất cơ bản chủ yếu đạt: 254.837 tấn
 - + Nhóm hóa chất cơ bản khác đạt: 15.256 tấn
 - + Kinh doanh khác: 35.982 tấn

Tình hình thực hiện kế hoạch 2014 (Triệu đồng)



Sản lượng kinh doanh trong năm (Tấn)



Hoạt động nghiên cứu và phát triển

Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới luôn được Công ty chú trọng. Tuy nhiên, do đặc thù ngành sản xuất kinh doanh các sản phẩm hóa chất cơ bản mang tính nguy hiểm, độc hại, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao nên các địa phương hầu như hoàn toàn không chấp nhận cấp phép đầu tư mở rộng và đầu tư mới. Đa số sản phẩm ở dạng lỏng nên vấn đề kho chứa, vận chuyển, bảo quản rất nghiêm ngặt và chi phí cao. Vì vậy, vấn đề phát triển sản phẩm mới cũng nằm ở mức hạn chế, chủ yếu Công ty tập trung vào việc nâng cấp chất lượng sản phẩm, nghiên cứu nâng cao hiệu quả sản xuất bằng nhiều hình thức như tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, cơ khí hóa một số công đoạn để tiết kiệm chi phí nhân công, tăng cường ứng dụng tự động hóa vào các dây chuyền sản xuất, tăng cường thiết bị giám sát thông số hoạt động dây chuyền. Công tác cải tiến mẫu mã, chất lượng dịch vụ đã được nâng cao. Công tác nghiên cứu và phát triển: tại các Nhà máy trực thuộc đã thực hiện các giải pháp cải thiện chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, nhân công nhằm giảm giá thành và nâng cao hiệu quả sản xuất các sản phẩm trong toàn Công ty; hoạt động nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới luôn được chú trọng. Các công trình đã và đang thực hiện trong năm 2014 như :

- Đề tài: “Nâng cấp hệ điều dụng hơi nhằm tiết kiệm dầu tiêu hao” thực hiện tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa.
- Đề tài: “ Sử dụng dung dịch axit loãng làm nước hấp thu tháp tổng hợp axit HCl 200 tấn/ngày, giảm thiểu bám cặn silic trong tháp hấp thu” thực hiện tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa.
- Đề tài: “ Cải tạo hợp lý hóa dây chuyền sản xuất axit sunfuric – công đoạn chuyển hóa” thực hiện tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2.
- Cải tiến kỹ thuật “Dây chuyền sản xuất Clorua Canxi và Clorua kali” thực hiện tại Nhà máy hóa chất Đồng Nai.

Các đề tài khoa học dự kiến ký thực hiện trong năm 2015 như:

✓ Nhà máy Hóa chất Biên Hòa đăng ký 6 đề tài:

- Tìm giải pháp giảm quá trình thủy phân PAC trong thời gian lưu trữ.
- Cải tiến phương pháp kết tinh sản phẩm $MgSO_4$.
- Thiết kế, xây dựng hệ thống xử lý rò rỉ khí clo từ chai, bình clo tại kho chứa clo nhà máy
- Quản lý năng lượng và xây dựng quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001: 2011.
- Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý sản xuất_chất lượng_kinh doanh nhằm hỗ trợ và khắc phục nhược điểm của hệ thống ERP hiện có.
- Xây dựng và thay thế chương trình cân xe.

✓ Nhà máy hóa chất Đồng Nai đăng ký 2 đề tài:

- Hoàn thiện dây chuyền sản xuất $CaCl_2$ công suất 1.000 tấn/năm.
- Nghiên cứu thiết kế dây chuyền sản xuất Urea photphat dạng pilot 100 tấn/năm.

Hoạt động đầu tư:

- Nhiệm vụ trọng tâm của Công ty và các đơn vị thành viên trong năm: tập trung đầu tư để hoàn thiện nhằm giữ ổn định, từng bước nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, kho bãi... để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Tích cực tìm kiếm những địa điểm mới để chuẩn bị công tác di dời toàn bộ 3 Nhà máy ra khỏi KCN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai theo lộ trình chung.
- Chuẩn bị sẵn những phương án, dự án đầu tư phát triển để có thể triển khai ngay khi điều kiện cho phép.
- Tại các đơn vị thành viên: hoạt động đầu tư trong năm chủ yếu mua sắm các trang thiết bị và công nghệ hiện đại để hoàn thiện và nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường.

Các hoạt động trọng yếu khác

Về hoạt động tài chính

- Giữ vững quan hệ và uy tín với các ngân hàng, tổ chức tín dụng đã có quan hệ lâu năm.
- Cơ cấu lại các chỉ tiêu tài chính nhằm giảm thiểu chi phí và tối đa hóa lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao vòng quay vốn trong kinh doanh, giảm các khoản nợ của khách hàng. Sử dụng triệt để lợi thế về nguồn lực tài chính.

Về tổ chức bộ máy và chính sách dành cho CBCNV

- Kiện toàn bộ máy hoạt động theo hướng tinh gọn cùng với việc đào tạo, nâng cao trình độ cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Xây dựng đào tạo nguồn nhân lực trẻ, khỏe, có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cao, năng động sáng tạo, tận tâm với công việc để từng bước kế thừa và tiếp thu kinh nghiệm từ đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm.
- Cải tiến chế độ tiền lương, tiền thưởng nhằm khuyến khích người lao động làm việc, tăng hiệu suất và chất lượng công việc, thu hút chất xám cho Công ty.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm cá nhân, hiệu quả công việc, khuyến khích tinh thần chủ động và sáng tạo của mỗi cá nhân trong Công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Những mặt làm được:

- Đã xây dựng, hoàn thiện bộ máy tổ chức, hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.
- Đã điều hành, quản lý hiệu quả, đem lại lợi nhuận cao trong năm 2014.
- Đã hoàn tất công tác chuẩn bị niêm yết cổ phiếu Công ty và thực hiện thành công việc niêm yết cổ phiếu Công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trong tháng 03 năm 2015.

Những mặt chưa làm được & Nguyên nhân:

- Công tác đầu tư phát triển còn hạn chế, nguyên nhân do chịu áp lực từ việc di dời nhà máy sản xuất, không cho phép đầu tư mở rộng sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường.

Nhận xét, đánh giá chung của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2014.

Nhìn chung, HĐQT đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm là hiệu quả.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2015 - 2016 của riêng công ty mẹ như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Kế hoạch (Tr.đồng)	Thực hiện (Tr.đồng)	Kế hoạch (Tr.đồng)	% tăng giảm so với năm 2014	Kế hoạch (Tr.đồng)	% tăng giảm so với năm 2015
Tổng doanh thu	1.014.387	1.064.111	1.035.863	-2,65%	1.094.000	5,61%
Tổng chi phí	908.975	923.692	923.018	-0,07%	971.000	5,20%
Lợi nhuận sau thuế	92.763	105.444	112.845	7,02%	98.400	-12,80%
Vốn điều lệ	442.000	442.000	442.000	0,00%	442.000	0,00%
Tỷ suất sinh lãi/Vốn điều lệ (%)	20,99%	24,53%	32,73%	8,20%	22,26%	-10,47%
Cổ tức	57.460	70.720	57.460	0,00%	61.880	5,61%
Tỷ lệ cổ tức/vốn cổ phần	13%	16%	13%	-18,75%	14%	7,69%



Lý do Công ty xây dựng kế hoạch năm 2015 với nhiều chỉ tiêu giảm so với năm 2014 là do trong năm 2014, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã chịu một số tác động từ sự cạnh tranh cao độ của thị trường, và dự kiến Công ty vẫn phải tiếp tục đối mặt với một số thử thách trong năm 2015, cụ thể:

- Sản phẩm Hydroxyt nhôm tại Chi nhánh Tân Bình của Công ty đang gặp phải sự cạnh tranh gay gắt với sản phẩm cùng loại của Tổ hợp Bôxít nhôm Tân Rai, giá thành sản xuất cao dẫn đến dây chuyền sản xuất không phát huy được hết công suất và sản phẩm tiêu thụ khá chậm.

Xí nghiệp khai thác và tuyển quặng bô-xít tại Bảo Lộc có nhiệm vụ cung cấp toàn bộ nguyên liệu cho Chi nhánh Tân Bình (Nhà máy Hóa chất Tân Bình cũ). Mặt hàng quặng bô-xít hiện nay không được cho phép xuất khẩu, toàn bộ sản lượng của Xí nghiệp dành cho sản xuất bột nhôm ở Chi nhánh Tân Bình. Trong điều kiện hiện tại:

- Tổ hợp Bô-xít Nhôm Tân Rai đi vào hoạt động với công suất khổng lồ 1 triệu tấn/năm. Sản phẩm lại được hưởng nhiều ưu đãi và có khi bán với giá cạnh tranh quá thấp để thu hồi vốn.
- Tổ hợp Bô-xít Nhôm Nhân Cơ với sản lượng lớn cũng sắp đi vào hoạt động.
- Tình hình giá sản phẩm bột nhôm trên thị trường thế giới không còn ở đỉnh cao, lợi nhuận xuất khẩu không đảm bảo khi phải cạnh tranh với hàng giá rẻ của Trung Quốc.

Vì vậy, với sản lượng và quy mô khiêm tốn, giá thành không hiệu quả, sản phẩm bột nhôm của Chi nhánh Tân Bình khó lòng cạnh tranh trên thị

trường, gây lỗ kéo dài ảnh hưởng đến hiệu quả chung toàn Công ty. Vì vậy, để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã quyết định tạm ngưng sản xuất sản phẩm này từ cuối năm 2013, tìm kiếm hướng đi kinh doanh, tập trung sản xuất các mặt hàng khác hiệu quả hơn.

- Sản phẩm axit Sunfuric của Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 trong năm 2014 đã nhiều lần được điều chỉnh giảm giá bán để cạnh tranh với các sản phẩm axit Sunfuric nhập khẩu.
- Sản phẩm axit Phốtphoric của Nhà máy Hóa chất Đồng Nai đang gặp những hạn chế nhất định trong việc tiêu thụ, dây chuyền sản xuất hoạt động khoảng 30% công suất thiết kế do gặp sự cạnh tranh từ sản phẩm cùng loại nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc.
- Tại Công ty cổ phần Phốt pho Việt Nam mà Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam nắm giữ 65,05% vốn điều lệ thì tình hình sản xuất cũng đang đối mặt với thử thách do nhiều nhà máy sản xuất phốt pho trong nước được đầu tư mới, đồng loạt đi vào hoạt động dẫn đến cung vượt cầu, làm giảm giá bán của sản phẩm phốt pho. Bên cạnh đó, việc nhiều nhà máy mới đi vào hoạt động dẫn đến tình hình cung cấp nguyên liệu quặng Apatit cũng gặp khó khăn và chất lượng quặng không bảo đảm, làm cho giá thành sản xuất phốt pho tăng cao trong khi giá bán ngày càng giảm kéo theo lợi nhuận giảm.

Từ những khó khăn nêu trên, trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, Công ty điều chỉnh giảm một số chỉ tiêu so với năm 2014 để phù hợp với thực tại của thị trường. Tuy nhiên, theo số liệu của báo cáo tài chính riêng năm 2014 của Công ty mẹ, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 105,443 tỷ đồng, tăng 14,13% so với kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2014 của Công ty mẹ. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014 đã vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đã đặt ra.



Kế hoạch kinh doanh năm 2015 và 2016 cũng được Công ty xây dựng trong bối cảnh Công ty đang đối mặt với nhiều khó khăn. Công ty phải lên phương án tái cấu trúc Chi nhánh Tân Bình và Mỏ Bô-xít Bảo Lộc, sau khi quyết định ngưng sản xuất bột nhôm và quặng bô xít. Tình hình giá nguyên liệu, vật tư thiết bị đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh đã có biến động tăng như giá lưu huỳnh, giá điện tăng 7,5% kể từ giữa tháng 03/2015, giá vận chuyển tăng cao do việc siết chặt kiểm soát tải trọng phương tiện vận tải theo quy định của Bộ GTVT đã ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành các sản phẩm do Công ty sản xuất, đặc biệt là việc điều chỉnh tăng giá điện tác động rất lớn đến giá thành sản phẩm xút – clor và phốt pho vàng do công nghệ sản xuất các sản phẩm này sử dụng điện năng rất lớn.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam được lập dựa trên những chiến lược Công ty xây dựng để phát triển hoạt động kinh doanh, điều kiện hoạt động thực tế của Công ty và tình hình thị trường kinh doanh tại thời điểm lập kế hoạch:

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

- Mục tiêu quan trọng nhất: trong tình hình kinh tế đất nước chưa thoát khỏi suy thoái, toàn Công ty phải giữ vững ổn định sản xuất về công suất, chất lượng và tiêu thụ tốt sản phẩm với giá cả linh hoạt; sản xuất luôn gắn liền với an toàn lao động, vệ sinh môi trường, tăng trưởng bền vững và đạt hiệu quả kinh tế phù hợp. Duy trì hoạt động ổn định của máy móc thiết bị, giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm thêm những nguồn cung ứng vật tư nguyên liệu, thiết bị để có giá cạnh tranh phục vụ cho sản xuất và dự phòng, rà soát và điều chỉnh lại (nếu có) hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật. Tiếp tục triển khai một cách đồng bộ, có hệ thống và chính quy công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
- Tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài, bền vững với các đối tác trong và ngoài nước trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi để cùng nhau phát triển.
- Chú trọng đẩy mạnh công tác bán hàng, marketing, phát triển mạng lưới khách hàng thường xuyên, tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động kinh doanh của từng đơn vị thành viên trong công ty.
- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thành viên tạo thành một khối liên kết mạnh mẽ, xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh.
- Tập trung hoàn thiện và ổn định các dây chuyền sản xuất hiện hữu, tiến hành nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm.
- Song song với công tác phát triển thị trường, Công ty cũng không ngừng tăng cường công tác quản lý hiệu quả hoạt động bán hàng, bảo đảm tính chủ động, tích cực trong công việc bán hàng tăng sản lượng và doanh thu tiêu thụ, đồng thời quản lý công nợ bán hàng, xác định thời hạn thanh toán hợp lý, tăng nhanh vòng quay của vốn, an toàn vốn trong sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn lao động, đảm bảo sản xuất an toàn trong khi sản xuất ở dòng điện cao.

Về đầu tư phát triển

- Tập trung đầu tư để hoàn thiện nhằm giữ ổn định, từng bước nâng cao năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, kho bãi... để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- Tiếp tục tìm kiếm những địa điểm mới, xây dựng phương án để chuẩn bị công tác di dời toàn bộ 3 nhà máy ra khỏi KCN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai theo lộ trình chung.
- Luôn chuẩn bị sẵn những phương án, dự án đầu tư phát triển để có thể triển khai ngay khi điều kiện cho phép.
- Tại các đơn vị thành viên: tập trung đầu tư mua sắm các trang thiết bị và công nghệ hiện đại để hoàn thiện và duy trì năng lực sản xuất của các dây chuyền sản xuất hiện hữu, tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường, tiếp tục đẩy mạnh sự phối hợp giữa các đơn vị thành viên với văn phòng Công ty để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Đầu tư cải tạo bố trí lại mặt bằng tại Chi nhánh Tân Bình để chuẩn bị bàn giao một phần đất cho địa phương quản lý và tìm hiểu thông tin để đầu tư sản xuất sản phẩm P.A.C dạng bột nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường

Về hoạt động tài chính

- Giữ vững quan hệ và uy tín với các ngân hàng, tổ chức tín dụng đã có quan hệ lâu năm.
- Cơ cấu lại các chỉ tiêu tài chính nhằm giảm thiểu chi phí và tối đa hóa lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao vòng quay vốn trong kinh doanh, giảm các khoản nợ của khách hàng. Sử dụng triệt để lợi thế về nguồn lực tài chính.

Về tổ chức bộ máy và chính sách dành cho CBCNV

- Kien toan bo may hoạt động theo hướng tinh gọn cùng với việc đào tạo, nâng cao trình độ cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Xây dựng đào tạo nguồn nhân lực trẻ, khỏe, có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cao, năng động sáng tạo, tận tâm với công việc để từng bước kế thừa và tiếp thu kinh nghiệm từ đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm.
- Cải tiến chế độ tiền lương, tiền thưởng nhằm khuyến khích người lao động làm việc, tăng hiệu suất và chất lượng công việc, thu hút chất xám cho Công ty.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm cá nhân, hiệu quả công việc, khuyến khích tinh thần chủ động và sáng tạo của mỗi cá nhân trong Công ty.
- Chăm lo tốt đời sống, việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV, người lao động.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ✚ Hội đồng quản trị
- ✚ Ban kiểm soát
- ✚ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%	
2	Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
3	Ông Phạm Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
4	Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT	5/5	100%	
5	Ông Trịnh Tuấn Minh	Thành viên HĐQT	5/5	100%	

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: không có.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc):

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc được thực hiện theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị Công ty ... Tại các phiên họp HĐQT thường xuyên yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo về mọi mặt hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT cũng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ và khi có yêu cầu.

Theo yêu cầu của Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng giai đoạn của Công ty, của từng đơn vị và của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc bằng văn bản, đồng thời phải báo cáo HĐQT các nội dung trên.

Trong năm 2014 các chỉ đạo của HĐQT tập trung chủ yếu trong từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, tái cơ cấu sản xuất, xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ sao cho phù hợp với mô hình hoạt động của công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn theo quy định của pháp luật.



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2014):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HCCB	07/01/2014	Về việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Hữu Thọ giữ chức vụ Tổng giám đốc
2	02/QĐ-HCCB	07/01/2014	Về việc bổ nhiệm Bà Lê Thị Ngọc Diệp giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán - Tài chính
3	03/QĐ-HCCB	07/01/2014	Về việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Hoài Phú giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc
4	04/QĐ-HCCB	07/01/2014	Về việc bổ nhiệm Ông Hoàng Minh Đức giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc
5	47/QĐ-HCCB	14/01/2014	Về việc thành lập lại Chi nhánh Tân Bình - Chi nhánh Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
6	48/QĐ-HCCB	14/01/2014	Về việc thành lập lại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2 - Chi nhánh Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
7	49/QĐ-HCCB	14/01/2014	Về việc thành lập lại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa - Chi nhánh Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
8	50/QĐ-HCCB	14/01/2014	Về việc thành lập lại Nhà máy Hóa chất Đồng Nai - Chi nhánh Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
9	51/QĐ-HCCB	14/01/2014	Về việc thành lập lại Mỏ Bô xít Bảo Lộc - Chi nhánh Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
10	64/QĐ-HCCB	20/01/2014	Về việc bầu Ông Lê Văn Hùng giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
11	92/QĐ-HCCB	07/02/2014	Về việc thành lập Ban quản lý dự án có tổng mức đầu tư trên 7 tỷ đồng và các dự án được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam ủy quyền thực hiện
12	180/QĐ-HCCB	17/03/2014	Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Nhà máy Hóa chất Biên Hòa
13	314/QĐ-HCCB	16/05/2014	Về việc phê duyệt kế hoạch mua sắm thiết bị lẻ năm 2014
14	326/QĐ-HCCB	20/05/2014	Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Nhà máy Hóa chất Đồng Nai
15	356/QĐ-HCCB	29/05/2014	Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2
16	358/QĐ-HCCB	30/05/2014	Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án “Đầu tư thiết bị lẻ năm 2014”
17	361/QĐ-HCCB	02/06/2014	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nâng công suất xút lên 50.000 tấn/năm tại Nhà máy hóa chất Biên Hòa (Giai đoạn 1 là 40.000 tấn/năm)
18	366/QĐ-HĐQT	02/06/2014	Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch đầu thầu gói thầu “Tur vản lập dự án xây dựng công trình” thuộc dự án “Đầu tư đổi mới công nghệ, đảm bảo môi trường cho dây chuyền sản xuất xút công suất xút 50.000 tấn NaOH 100%/năm (Giai đoạn 1: 40.000 tấn/năm) tại Nhà máy hóa chất Biên Hòa.
19	367/QĐ-HĐQT	02/06/2014	Về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất gói thầu “Tur vản lập dự án xây dựng công trình” thuộc dự án “Đầu tư đổi mới công nghệ, đảm bảo môi trường cho dây chuyền sản xuất xút công suất xút 50.000 tấn NaOH 100%/năm (Giai đoạn 1: 40.000 tấn/năm) tại Nhà máy hóa chất Biên Hòa.
20	368/NQ-HĐQT	02/06/2014	Nghị quyết ban hành Quy chế quản trị Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
21	369/QĐ-HĐQT	02/06/2014	Về việc thành lập tổ chuyên gia đấu thầu, gói thầu “Tur vản lập dự án xây dựng công trình” thuộc dự án “Đầu tư đổi mới công nghệ, đảm bảo môi trường cho dây chuyền sản xuất xút công suất xút 50.000 tấn NaOH 100%/năm (Giai đoạn 1: 40.000 tấn/năm) tại Nhà máy hóa chất Biên Hòa.
22	373/NQ-HĐQT	04/06/2014	Nghị quyết Về kỳ họp HĐQT lần thứ 3 nhiệm kỳ 2014-2018



23	388/QĐ-HĐQT	10/06/2014	Về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu, gói thầu “Tư vấn lập dự án xây dựng công trình” thuộc dự án “Đầu tư đổi mới công nghệ, đảm bảo môi trường cho dây chuyền sản xuất xút công suất xút 50.000 tấn NaOH 100%/năm (Giai đoạn 1: 40.000 tấn/năm) tại Nhà máy hóa chất Biên Hòa.
24	403/QĐ-HĐQT	16/06/2014	Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện báo cáo kinh tế - kỹ thuật “Đầu tư thiết bị trao đổi nhiệt tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2”
25	415/QĐ-HCCB	23/06/2014	Về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành, dự án “Đầu tư thiết bị lẻ tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa”
26	427/QĐ-HCCB	27/06/2014	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của dự án hoàn thành, dự án “Đầu tư thiết bị lẻ năm 2012 -2013”
27	458/QĐ-HĐQT	11/07/2014	Về việc ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam
28	530/NQ-HĐQT	12/08/2014	Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin
29	742/NQ-HĐQT	30/10/2014	Về việc xử lý tài chính đối với các khoản nợ không 1 có khả năng thu hồi 1
30	763/QĐ-HĐQT	06/11/2014	Về việc phân công nhiệm vụ Thư ký công ty
31	781/NQ-HĐQT	20/11/2014	Về kỳ họp HĐQT lần thứ 5 nhiệm kỳ 2014 -2018
32	833/QĐ-HĐQT	15/12/2014	Về việc xếp hạng doanh nghiệp
33	839/QĐ-HĐQT	15/12/2014	Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, dự án “Đầu tư hệ thống chỉnh lưu 500VDC/20KA tại Nhà máy Hóa chất Biên Hòa”
34	860/QĐ-HĐQT	22/12/2014	Về việc phê duyệt quyết toán báo cáo kinh tế kỹ thuật hoàn thành, báo cáo “Đầu tư thiết bị trao đổi nhiệt tại Nhà máy Hóa chất Tân Bình 2”
35	889/NQ-HĐQT	31/12/2014	Về việc xử lý tài chính đối với các khoản nợ không có khả năng thu hồi



BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của BKS trong năm:

Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty, cụ thể:

- Xem xét tính phù hợp các Quyết định của HĐQT, Ban điều hành trong công tác quản lý, kiểm tra trình tự thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện các đợt kiểm tra đánh giá các quy trình trọng yếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ; thực hiện cơ chế, chính sách bán hàng; quản lý vật tư, hàng hóa, thành phẩm, công nợ, chi phí và đầu tư tại Công ty cũng như tại các đơn vị trực thuộc nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót. Từ đó đề xuất, kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành xem xét.
- Phối hợp với Phòng Kế toán – Tài chính, Phòng Nhân sự - Hành chính, Phòng Thiết bị - Công nghệ tiến hành rà soát các hoạt động liên quan đến chi phí sản xuất, tiền lương, chế độ, chính

người lao động, định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu theo từng quý trong năm.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành, giám sát việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban điều hành.

- Kiểm tra, thẩm định BCTC quý, 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán.

- Giám sát việc thực thi pháp luật và thực hiện các quy chế, quy định mà Công ty đã ban hành, cũng như xem xét, kiến nghị Công ty xây dựng, bổ sung, ban hành các quy chế nội bộ.

- Tổng chi phí thù lao Ban kiểm soát năm 2014: 168.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Trong đó: Trưởng ban kiểm soát: 72.000.000 đồng/năm.

Thành viên BKS: 48.000.000 đồng/người/năm.

Đánh giá hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty trong năm 2014:

- Các chỉ tiêu chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014
1	Tổng tài sản	Đồng	971.387.512.792
2	Vốn CSH	Đồng	579.713.364.800
3	Doanh thu thuần	Đồng	1.550.908.548.442
4	LNTT	Đồng	207.803.679.602
5	LNST	Đồng	158.271.631.639
6	LNST cổ đông Công ty mẹ	Đồng	140.303.155.255



Đánh giá của BKS về kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

Sổ sách kế toán được mở đầy đủ, ghi chép, phản ánh rõ ràng, trung thực.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Tình hình tài chính của Công ty: (căn cứ kết quả BCTC hợp nhất đã được kiểm toán)

Chỉ tiêu	ĐVT	Thời điểm 31/12/2014
Tổng tài sản	Đồng	971.387.512.792
Nợ phải trả	Đồng	350.634.725.338
Vốn chủ sở hữu	Đồng	579.713.364.800

(Không có số liệu so sánh cùng kỳ năm trước do Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ 02/01/2014.)

Các chỉ tiêu cơ bản:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thời điểm 31/12/2014
1	Cơ cấu tài sản:		
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	34
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	66
2	Cơ cấu nguồn vốn:		
	Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	36
	Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	%	64
3	Khả năng thanh toán:		
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	1
	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	2

Nhìn chung, tình hình tài chính Công ty ổn định, cơ cấu tài sản, nguồn vốn là phù hợp, khả năng thanh toán tốt. Hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2014 là tốt.



Tình hình thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2014

Năm 2014, hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty đã tập trung vào định hướng, mục tiêu mà ĐHĐCĐ thành lập Công ty đã thông qua ngày 12/12/2013. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết kịp thời đúng đắn, Ban Tổng giám đốc đã điều hành linh hoạt, nắm bắt kịp thời diễn biến thị trường, có quyết sách hợp lý đối với hàng hóa tồn kho, dự trữ vật tư nguyên liệu tốt, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh các giải pháp kỹ thuật, giảm định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bảo đảm dây chuyền sản xuất ổn định với năng suất và chất lượng sản phẩm cao.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	So với KH ĐHĐCĐ đề ra
1	Doanh thu thuần	Đồng	1.550.908.548.442	
2	LNTT	Đồng	207.803.679.602	248%
3	LNST	Đồng	158.271.631.639	
4	LNST cổ đông Công ty mẹ	Đồng	140.303.155.255	199%
5	LNST/Vốn điều lệ	%	32	199%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu mà Nghị quyết ĐHĐCĐ thành lập Công ty ngày 12/12/2013 đã đề ra trong kế hoạch năm 2014 đều đạt và vượt cao.

Kết quả hoạt động giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT, BTGD và Ban quản lý Công ty trong năm 2014:

- Trong năm vừa qua, BKS nhận thấy HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã thể hiện trách nhiệm cao, cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, luôn vì lợi ích chung của Công ty, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.
- HĐQT, Ban điều hành đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý hành chính, trong các giao dịch và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Các NQ của HĐQT đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở biên bản họp HĐQT hoặc Phiếu xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản và đúng với thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.
- Ban Tổng giám đốc đã bám sát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, vừa kiên trì với mục tiêu định hướng, vừa có quyết định phù hợp với thực

tiễn, thực hiện nhiều giải pháp về quản lý, kỹ thuật... nhằm thực hiện các mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã giao, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông Công ty.

- Trong năm 2014 không có bất kỳ xung đột lợi ích nào với những người liên quan. Dựa vào kết quả kiểm tra, giám sát của mình, Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành năm 2014 của HĐQT, Ban Tổng giám đốc.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm:

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Những kết quả đạt được:

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm đã tuân thủ đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Tuy với vị trí kiêm nhiệm, nhưng tập thể, cũng như từng cá nhân các thành viên ban kiểm soát đã nỗ lực rất lớn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.

Kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS đối với 2015

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của ban kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, BKS đề ra phương hướng hoạt động trong năm 2015 với những nội dung trọng tâm sau:

- Tiếp tục kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2015 của HĐQT, Ban điều hành.
- Tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật chế độ chính sách mới, nâng cao trình độ để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao.
- Kiểm tra, kiểm soát đột xuất theo chuyên đề khi có yêu cầu của HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo Điều 79 – Luật doanh nghiệp.
- Tiếp tục giám sát, kiểm tra việc ban hành, việc thực hiện các quy định, quy chế nội bộ, nhất là quy chế tài chính, quy chế bán hàng, mua sắm ...

Kiến nghị với HĐQT, Ban TGD:

- *Tiếp tục triển khai quyết liệt việc xây dựng phương án di dời 3 Nhà máy trực thuộc đóng trên địa bàn KCN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai.*
- *Thực hiện mọi giải pháp cho việc cung cấp nguồn nguyên liệu sản xuất với dự trữ ổn định, giá cả phù hợp.*
- *Nghiên cứu rà soát, hoàn thiện các quy chế đã ban hành để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế.*



Thù lao của HĐQT và BKS

Thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2014 như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	96.000.000
Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT	72.000.000
Trịnh Tuấn Minh	Thành viên HĐQT	72.000.000
Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên HĐQT	72.000.000
Phạm Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	72.000.000
Lê Thúy Mai	Trưởng BKS	72.000.000
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên BKS	48.000.000
Lê Tùng Lâm	Thành viên BKS kiêm Thư kí công ty	48.000.000

Giao dịch cổ phiếu

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ngô Anh Tuấn	Con Trưởng BKS	0	0%	20.000	0,045%	Mua
2	Nguyễn Thanh Bình	Thành viên BKS	2.900	0,006%	23.200	0,052%	Mua
3	Văn Trung Hà	Chồng KTT	0	0%	20.000	0,045%	Mua
4	Nguyễn Kim Thảo Vân	Vợ thành viên BKS	10.000	0,023%	30.000	0,068%	Mua



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2014



TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam là tiền thân Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam được chuyển đổi từ Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam theo Quyết định số 138/2003/QĐ-Ttg ngày 11 tháng 07 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam thành Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản Miền Nam. Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam từ ngày 02/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/01/2014.

Vào ngày 24 tháng 2 năm 2015, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 43/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán là CSV.

Trụ sở chính của Công ty tại số 22 Lý Tự Trọng - P Bến Nghé - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm.

Hội đồng quản trị	Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
	Ông Nguyễn Hữu Thọ	Ủy viên
	Ông Phạm Thanh Tùng	Ủy viên
	Ông Trịnh Tuấn Minh	Ủy viên
	Ông Lê Thanh Bình	Ủy viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Hữu Thọ	Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hoài Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Bà Lê Thúy Mai	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
	Ông Lê Tùng Lâm	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Thọ - Tổng Giám đốc Công ty.

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC

**TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 36. Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Chạy mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Thọ
Tổng Giám đốc
Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015





CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC
 VPGD: Phòng 12A03, D11, Tòa nhà SUNRISE, Trần Thái Tông, Cầu Giấy, TP. Hà Nội
 ĐT: 04. 3 795 0833 Fax: 04. 3 795 0832
 Web: www.avina-iafc.vn

Số 27/2015/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam, được lập ngày 12 tháng 3 năm 2015, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Quốc Hùng
 Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0295-2013-146-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA -IAFC

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2015

Lại Văn Hùng
 Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.

Số: 0907-2013-146-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	02/01/2014 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		641.040.545.375	-
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	261.018.870.934	-
1. Tiền	111		51.083.605.934	-
2. Các khoản tương đương tiền	112		209.935.265.000	-
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		138.575.093.906	-
1. Phải thu khách hàng	131		123.910.067.634	-
2. Trả trước cho người bán	132		3.371.732.152	-
3. Các khoản phải thu khác	135	4	11.548.244.114	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(254.949.994)	-
III- Hàng tồn kho	140	5	227.001.875.830	-
1. Hàng tồn kho	141		228.001.639.939	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(999.764.109)	-
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		14.444.704.705	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		322.592.766	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.845.975.713	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		276.136.226	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		330.346.967.417	-
I- Tài sản cố định	220		276.528.251.607	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	269.384.204.287	-
- Nguyên giá	222		881.024.288.524	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(611.640.084.237)	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	383.333.333	-
- Nguyên giá	228		1.436.128.875	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.052.795.542)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	6.760.713.987	-
II- Tài sản dài hạn khác	260		53.818.715.810	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	51.140.676.530	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	87.204.201	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.590.835.079	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		971.387.512.792	-

H. S. P. A. (V. B. A.)

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM Báo cáo tài chính hợp nhất
 Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	02/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		350.634.725.338	-
I- Nợ ngắn hạn	310		340.083.300.854	-
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	163.894.912.087	-
2. Phải trả người bán	312		52.804.239.868	-
3. Người mua trả tiền trước	313		340.292.009	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	37.413.860.890	-
5. Phải trả người lao động	315		64.479.061.699	-
6. Chi phí phải trả	316	13	1.914.664.124	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	1.552.004.677	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		17.684.265.500	-
II- Nợ dài hạn	330		10.551.424.484	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	10.551.424.484	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		579.713.364.800	-
I- Vốn chủ sở hữu	410	16	579.713.364.800	-
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		442.000.000.000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.506.484	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		137.703.858.316	-
C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		41.039.422.654	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		971.387.512.792	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

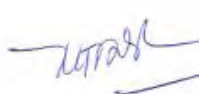
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	02/01/2014
			VND	VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004		1.795.459.401	
2. Ngoại tệ các loại (USD)	005			
Đô la Mỹ			32.781,67	
Euro			23,13	



Phạm Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015



Lê Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng





Nguyễn Hữu Thọ


Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014

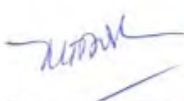
Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	1.565.829.931.436	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	14.921.382.994	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	1.550.908.548.442	-
4. Giá vốn hàng bán	11	20	1.185.359.800.144	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		365.548.748.298	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	6.892.401.256	-
7. Chi phí tài chính	22	22	16.107.911.877	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.279.798.757	-
8. Chi phí bán hàng	24		56.986.560.925	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		93.585.976.338	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		205.760.700.414	-
11. Thu nhập khác	31		2.129.154.992	-
12. Chi phí khác	32		86.175.804	-
13. Lợi nhuận khác	40		2.042.979.188	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		207.803.679.602	-
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	49.616.248.486	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	(84.200.523)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		158.271.631.639	-
18. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	70		17.968.476.384	-
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty Mẹ	80		140.303.155.255	-
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.174	-


 Phạm Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015


 Lê Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng


 Nguyễn Hữu Thọ

Tổng Giám đốc


 1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100


TẬP ĐOÀN HÒA CHẤT VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014

Mẫu B 03-DN

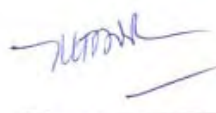
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Lợi nhuận trước thuế	01	207.803.679.602	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	116.605.390.954	-
- Các khoản dự phòng	03	559.660.269	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(11.151.388)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.935.605.391)	-
- Chi phí lãi vay	06	15.279.798.757	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	334.301.772.803	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	27.175.356.625	-
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	73.330.473.152	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11	5.548.016.636	-
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	9.618.867.734	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	(15.032.614.157)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(37.348.913.990)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	162.137.259.069	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(83.333.727.836)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	476.396.490.036	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21	(39.670.870.446)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài	22	56.363.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(131.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24	131.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	5.935.605.391	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(33.678.901.419)	-
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	549.972.428.452	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(632.765.500.670)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(98.916.796.853)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(181.709.869.071)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	261.007.719.546	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	11.151.388	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	261.018.870.934	-



Phạm Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2015



Lê Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Thọ

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam được chuyển đổi từ Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam theo Quyết định số 138/2003/QĐ-Ttg ngày 11 tháng 07 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam thành Công ty TNHH MTV Hóa chất cơ bản Miền Nam. Công ty TNHH MTV Hóa chất Cơ bản Miền Nam chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam từ ngày 02/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/01/2014.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 710 người

Trụ sở chính của Công ty tại số 22 Lý Tự Trọng - P Bến Nghé - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh.

Thông tin Công ty Con và Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau.

Công ty con

Tên	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh phốt pho vàng
<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	<i>65,05%</i>
<i>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</i>	<i>65,05%</i>

Công ty có đơn vị trực thuộc sau

Tên	Địa chỉ
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
Nhà máy Hóa chất Đồng Nai	Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
Mỏ Bauxit Bảo Lộc	Số 62 Lý Thường Kiệt, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Chi nhánh Công ty CP Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Số 46/6 Phan Huy Ích, Tân Bình, TP.HCM
Nhà máy Hóa chất Tân Bình II	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
Văn phòng Công ty	Số 22 Lý Tự Trọng, Quận 1, TP.HCM

Vốn điều lệ của Công ty

Vốn điều lệ của Công ty theo theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301446260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/01/2014 là 442.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Sản xuất hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất máy chuyên dụng khác; Chi tiết: Sản xuất vật tư, thiết bị ngành hóa chất; Gia công, chế tạo lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghệ và đường ống dùng trong ngành cấp nước thải công nghiệp (không chịu áp lực- trừ tái chế phế thải kim loại, xỉ mạ điện, luyện kim đúc);



TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)***1. THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)****Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành hóa chất;
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Chi tiết: Lắp đặt thiết bị chuyên dùng, đường ống công nghiệp và đường ống dùng trong ngành cấp thải nước công nghiệp (không chịu áp lực- trừ tái chế phế thải kim loại, xỉ mạ điện, luyện kim đúc);
- Khai thác khoáng sản chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Khai thác và chế biến khoáng sản bauxite (không chế biến tại trụ sở);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Chi tiết: Nghiên cứu, thiết kế dây chuyền sản xuất hóa chất; Thiết kế thiết bị sản xuất hóa chất; (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở).
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến các sản phẩm muối ăn dùng trong thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2014, không có hoạt động nào có ảnh hưởng trọng yếu đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty có một Công ty con tại thời điểm 31/12/2014 được hợp nhất:

Công ty con

Tên	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Phốt Pho Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh phốt pho vàng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	65,05%
Quyền biểu quyết của công ty mẹ	65,05%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất****Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty con được lập đến ngày 31/12/2014.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (Tiếp theo)

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Bất lợi kinh doanh

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng



TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
 Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014

Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.4 Chính sách kế toán áp dụng

2.4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền.

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính “Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2.4.2 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho.

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.4.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác.

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

2.4.4 Phương pháp ghi nhận và khấu hao tài sản cố định.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình.

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
 Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo) *Phương pháp*

khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình.

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau.

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định vô hình	
Phần mềm máy kế toán và khác	3 - 8 năm
Vô hình	

2.4.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Lợi nhuận thuần từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"; Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn; và có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

2.4.6 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay. Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

2.4.7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác.

Chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán. Riêng lợi thế thương mại được phân bổ 10 năm.

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Chi phí khác

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước.

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.4.8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.4.9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh do các cổ đông Công ty mẹ góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác:

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
 Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)

+ *Thặng dư vốn cổ phần*: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

+ *Vốn khác*: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

+ *Cổ phiếu quỹ*: Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

+ *Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.4.10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau.

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ : Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.4.11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm.

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2.4.13 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)****2.4.14 Lãi trên cổ phiếu*****Lãi cơ bản trên cổ phiếu***

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

2.4.15 Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận được lập theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận.

Các bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của doanh nghiệp dùng để lập báo cáo cho bên ngoài phải là các đơn vị nằm trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp đó. Thông tin bộ phận do các đơn vị này lập để giúp Ban Tổng Giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và đưa ra quyết định điều hành và quản lý trong tương lai của doanh nghiệp.

Một lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý cần được xác định là một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu phát sinh từ bán hàng ra ngoài đồng thời thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- Tổng Doanh thu của bộ phận từ việc bán hàng ra ngoài và từ giao dịch với các bộ phận khác phải chiếm từ 10% trở lên trên tổng doanh thu của tất cả bộ phận, hoặc;
- Kết quả kinh doanh của bộ phận này bất kể lãi (hay lỗ) chiếm từ 10 % trở lên trên tổng lãi (hay lỗ) của tất cả các bộ phận có lãi (hoặc trên tổng lỗ của tất cả các bộ phận lỗ) nếu đại lượng nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn, hoặc;
- Tài sản của bộ phận chiếm từ 10 % trở lên trên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

2.4.16 Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.801.977.435	-
Tiền gửi ngân hàng	49.281.628.499	-
Các khoản tương đương tiền	209.935.265.000	-
Cộng	261.018.870.934	-

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	92.698.728	-
Phải thu khác	11.455.545.386	-
<i>Thuế TNCN phải thu của CBCNV</i>	<i>2.594.967.166</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu về dự lãi tiền gửi</i>	<i>976.581.811</i>	<i>-</i>
<i>BQL Dự án KCN Tăng Loong tiền cho vay để GPMB xây dựng khu Tái định cư</i>	<i>2.019.150.000</i>	<i>-</i>
<i>Thuế GTGT để nghị hoàn</i>	<i>5.363.246.000</i>	<i>-</i>
<i>Thuế xuất khẩu nộp trước</i>	<i>495.244.260</i>	<i>-</i>
<i>Khác</i>	<i>6.356.149</i>	<i>-</i>
Cộng	11.548.244.114	-

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	130.875.427.162	-
Công cụ, dụng cụ	831.397.106	-
Thành phẩm	96.294.815.671	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	228.001.639.939	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	999.764.109	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	227.001.875.830	-

M.H.H.2014



TẬP ĐUÀN HOÀ CHÁI VIỆT NAM
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	MÃU B 09-DN
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 02/01/2014					
<i>Tăng trong năm</i>	197.480.858.132	644.950.892.993	24.388.568.721	14.937.432.945	881.757.752.791
Chuyển số kế toán	173.065.939.382	645.182.059.365	25.859.163.995	5.923.936.066	850.031.098.808
Mua trong năm	-	1.626.800.246	2.833.770.000	216.857.909	4.677.428.155
Đầu tư XDCB hoàn thành	280.581.798	26.768.644.030	-	-	27.049.225.828
Tặng khác (Phân loại)	24.134.336.952	(28.626.610.648)	(4.304.365.274)	8.796.638.970	-
Giảm trong năm	337.407.219	-	396.057.048	-	733.464.267
Thanh lý, nhượng bán	337.407.219	-	396.057.048	-	733.464.267
Số dư tại 31/12/2014	197.143.450.913	644.950.892.993	23.992.511.673	14.937.432.945	881.024.288.524
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư tại 02/01/2014					
<i>Tăng trong năm</i>	118.523.997.038	470.814.042.532	18.279.411.607	4.756.097.327	612.373.548.504
Chuyển số kế toán	91.509.098.459	387.274.669.372	14.446.334.418	2.760.190.690	495.990.292.939
Khấu hao trong năm	27.014.898.579	83.539.373.160	3.833.077.189	1.995.906.637	116.383.255.565
Giảm trong năm	337.407.219	-	396.057.048	-	733.464.267
Thanh lý, nhượng bán	337.407.219	-	396.057.048	-	733.464.267
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	118.186.589.819	470.814.042.532	17.883.354.559	4.756.097.327	611.640.084.237
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 02/01/2014					
Tại 31/12/2014	78.956.861.094	174.136.850.461	6.109.157.114	10.181.335.618	269.384.204.287

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

70.089.342.766
9.479.351.089



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-DN
 (Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm Quản lý	Giấy phép khai thác mỏ	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 02/01/2014			-
Tăng trong năm	436.128.875	1.000.000.000	1.436.128.875
Chuyển số kế toán	436.128.875	1.000.000.000	1.436.128.875
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	436.128.875	1.000.000.000	1.436.128.875
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 02/01/2014	-	-	-
Tăng trong năm	436.128.875	616.666.667	1.052.795.542
Chuyển số kế toán	313.993.486	516.666.667	830.660.153
Khấu hao trong năm	122.135.389	100.000.000	222.135.389
Số dư tại 31/12/2014	436.128.875	616.666.667	1.052.795.542
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 02/01/2014	-	-	-
Tại 31/12/2014	-	383.333.333	383.333.333

8. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	02/01/2014
Nội dung	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang các công trình, hạng mục;	6.760.713.987	-
Văn phòng GD tại tp Lào Cai	3.237.934.913	
Chi phí KSTK các HM đầu tư Năm nay	15.946.364	
Chi phí XL TB Nội hơi đốt từ khí đuôi lò	3.850.000	
Chi phí sửa chữa lớn	3.502.982.710	
Cộng	6.760.713.987	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM Báo cáo tài chính hợp nhất
 Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-DN
 (Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn khác		
<i>Chi phí đền bù khai thác mỏ</i>	8.314.628.876	
<i>Xúc tác V2O5 của NMHC Tân Bình II</i>	3.866.196.518	
<i>Chi phí SCL PX Axit NMHC Tân Bình II</i>	254.985.831	
<i>Đánh giá lại CCLĐ, dụng cụ quản lý</i>	215.285.446	
<i>Giá trị lợi thế kinh doanh</i>	37.879.676.673	
<i>Công cụ dụng cụ chờ phân bổ</i>	315.679.051	
<i>Chi phí sửa chữa lớn</i>	175.469.135	
<i>Chi phí vận tải Phốt Pho chưa xuất bán</i>	118.755.000	
Cộng	51.140.676.530	-

10. TÀI SẢN THUẾ TNDN HOÀN LẠI

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	87.204.201	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	87.204.201	-

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	151.663.912.087	-
Vay cán bộ công nhân viên tại Cty Mẹ (*)	8.332.520.658	
Vay ngân hàng tại Công ty Mẹ (*)	97.095.269.059	
<i>NH TMCP Công thương - CN Lào Cai (**)</i>	17.306.774.690	
<i>NH TMCP Teckcombank- CN Lào Cai (**)</i>	1.039.193.084	
<i>NH TMCP Quân Đội CN Lào Cai (**)</i>	27.890.154.596	
Nợ dài hạn đến hạn trả	12.231.000.000	-
Cộng	163.894.912.087	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MÃU B 09-DN
 (Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

(*) Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2014

Bên cho vay và số hợp đồng	Hạn mức vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức
NH ĐT và PT VN - CN HCM, HĐTD hạn mức số 09/2014/93332 ngày 12/05/2014	250. tỷ đồng VND	Xác định trong từng hợp đồng cụ thể	Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	41.365.562.780	Tài sản
NH TNHH MTV HSBC - CN HCM, Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung VNM 130807	6.000.000 USD	Lãi suất được quy định trong từng thông báo rút vốn cụ thể	4 tháng	29.645.656.726	Tín chấp
NH TNHH MTV HONGLEONG VN - CN TP HCM, HĐTD theo hạn mức số HCM/2012/016/TTTT ngày 25/06/2012	50 tỷ đồng VND	Xác định trong từng hợp đồng cụ thể	Từ 3 - 6 tháng	10.183.563.853	Tín chấp
NH TMCP CÔNG THƯƠNG VN - CN TP. HCM, HĐTD theo hạn mức số 14.1780017/HĐTDHM ngày 08/08/2014		Xác định trong từng hợp đồng cụ thể	Từ 3 - 6 tháng	15.900.485.700	Tín chấp
Cán bộ công nhân viên		Theo thông báo	3 tháng	8.332.520.658	Tín chấp
Cộng				105.427.789.717	

Thông tin về các khoản vay tại Công ty Con

(**) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP trong nước bằng ngoại tệ (USD) thời hạn vay cho các khách ước nhận nợ là từ 4 tháng, lãi suất bình quân năm từ 1,9% đến 3% năm, mục đích bổ sung vốn lưu động. Cho vay có tài sản đảm bảo bằng tín chấp, hợp đồng tiền gửi và thành phẩm phốt pho.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.591.155.908	-
Thuế xuất, nhập khẩu	8.505.228.243	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.224.833.777	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.447.552.890	-
Các loại thuế khác	2.645.090.072	-
Cộng	37.413.860.890	-



TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
 Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014

Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-DN
 (Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	1.914.664.124	-
<i>Trích trước tiền điện hàng tháng</i>	<i>1.501.460.352</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí lãi vay phải trả</i>	<i>294.031.772</i>	<i>-</i>
<i>Khác</i>	<i>119.172.000</i>	<i>-</i>
Cộng	1.914.664.124	-

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	462.983.942	-
Bảo hiểm xã hội	165.263.033	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	908.693.720	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.063.982	-
<i>Khác</i>	<i>15.063.982</i>	<i>-</i>
Cộng	1.552.004.677	-

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Vay ngân hàng	10.551.424.484	-
<i>NH DT & PT Việt Nam CN TP.HCM</i>	<i>10.551.424.484</i>	<i>-</i>
Cộng	10.551.424.484	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Bên cho vay Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Đến hạn trả trong kỳ tới	Phương thức
HĐTD trung hạn số 00310/2010/0001436 ngày 24/11/2010	Thả nổi có điều chỉnh	60 tháng	2.577.725.825	1.923.000.000	Tài sản
HĐTD trung hạn số 00310/2011/0000746 ngày 22/07/2011	Thả nổi có điều chỉnh	60 tháng	5.568.671.648	2.784.000.000	Tài sản
HĐTD trung hạn số 07/2013/93332 ngày 29/03/2013	Thả nổi có điều chỉnh	36 tháng	4.176.630.992	3.340.000.000	Tài sản
HĐTD dài hạn số 02/2014/93332/HĐTD ngày 06/05/2014	Thả nổi có điều chỉnh	36 tháng	10.459.396.019	4.184.000.000	
Cộng			22.782.424.484	12.231.000.000	

11/01/2015



TẬP ĐOÀN HÒA CHÁI VIỆT NAM
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014

MÃU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Số dư tại 02/01/201	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Tăng trong năm	442.000.000.000	9.506.484	138.774.753.985	16.190.083.522	35.905.254.799	274.710.909.157	2.758.387.119	910.348.895.066
Chuyển số dư	245.360.686.845	-	138.774.753.985	16.190.083.522	35.905.254.799	127.141.602.103	2.758.387.119	566.130.768.373
Lãi năm nay						140.303.155.255		140.303.155.255
Kết chuyển nguồn sau CPH	193.628.479.425							193.628.479.425
Tăng khác	3.010.833.730							3.010.833.730
Điều chỉnh QT CPH của TD HCVN		9.506.484				4.221.524.731		4.231.031.215
Tăng do KTNN tại Công ty Con						3.044.627.068		3.044.627.068
Giảm trong năm			138.774.753.985	16.190.083.522	35.905.254.799	137.007.050.841	2.758.387.119	330.635.530.266
Tăng do hợp nhất						1.021.781.662		1.021.781.662
Phân phối LN Công ty Con						4.622.142.345		4.622.142.345
Phân phối lợi nhuận Năm trước								-
<i>Nộp về tập đoàn</i>						98.916.796.853		98.916.796.853
<i>Trích quỹ KTPL</i>						19.619.875.000		19.619.875.000
Điều chỉnh theo BB KTNN						9.914.112.977		9.914.112.977
Kết chuyển nguồn CPH			138.774.753.985	16.190.083.522	35.905.254.799	2.912.342.004	2.758.387.119	196.540.821.429
Số dư tại 31/12/201	442.000.000.000	9.506.484	-	-	-	137.703.858.316	-	579.713.364.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-DN
 (Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	31/12/2014	02/01/2014
	VND	VND
Vốn góp của Tập đoàn HC Việt Nam	287.310.000.000	
Vốn góp của đối tượng khác	154.690.000.000	
Cộng	442.000.000.000	-

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 02 tháng 01	-	
Vốn góp tăng trong năm	442.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	442.000.000.000	-
Lợi nhuận đã trả cho Tập đoàn HCVN	98.916.796.853	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2014	02/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	44.200.000	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	44.200.000	-
Cổ phiếu phổ thông	44.200.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	44.200.000	-
Cổ phiếu phổ thông	44.200.000	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.565.829.931.436	-
Cộng	1.565.829.931.436	-



TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế xuất khẩu	14.921.382.994	-
Cộng	14.921.382.994	-

19. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần	1.550.908.548.442	-
Cộng	1.550.908.548.442	-

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.185.359.800.144	-
Cộng	1.185.359.800.144	-

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.935.605.391	-
Lãi bán ngoại tệ	211.628.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	736.547.525	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.620.340	-
Cộng	6.892.401.256	-

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	15.279.798.757	-
Lỗ bán ngoại tệ	36.088.638	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	648.831.834	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	143.192.648	-
Cộng	16.107.911.877	-

Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-DN
 (Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

23. THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế TNDN tại Công ty Mẹ	34.975.710.204	
Thuế TNDN tại Công ty con	14.640.538.282	
Cộng	49.616.248.486	-

24. CHI PHÍ THUẾ TNDN HOẢN LẠI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(84.200.523)	-
Cộng	(84.200.523)	-

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	158.271.631.639	-
Lợi nhuận phân bổ cho số cổ đông sở hữu số cổ phiếu phổ thông tại Công ty Mẹ	140.303.155.255	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	44.200.000	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.174	-

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	550.281.720.938	
Chi phí nhân công	172.712.589.592	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.605.390.954	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.284.016.598	
Chi phí khác bằng tiền	173.619.895.707	
Cộng	1.350.503.613.789	-

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có số dư và giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau.

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM Báo cáo tài chính hợp nhất
 Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MÃU B 09-DN
 (Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Năm nay VND
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	Cùng Tập đoàn	Bán muối Natri	3.706.827.000
Công ty Cổ phần bột giặt NET	Cùng Tập đoàn	Bán muối Natri	18.815.460.500
CN Công ty CP Pin Ấc Quy MN	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	16.542.303.200
Công ty TNHH MTV DAP-Vinachem	Cùng Tập đoàn	Bán Axít	9.882.941.900

Công ty CP XNK HC Miền Nam	Cùng Tập đoàn	Mua Lưu huỳnh	
Công ty CP Phân bón Miền Nam	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	18.361.146.335
Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	Bán Lưu huỳnh	6.872.628.050
Công ty Cổ phần Sơn Chất Dẻo	Cùng Tập đoàn	Mua Bao Bi	2.372.866.615
Công ty Cổ phần HC CN Vi Sinh	Cùng Tập đoàn	Mua sơn	229.956.400
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cty Mẹ	Phí QLTS	744.733.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cty Mẹ	Chuyển LN	98.916.796.853
Công ty Cổ phần bột giặt NET	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	6.750.000

Số dư cuối năm khoản công nợ phải thu với các bên liên quan như sau

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Cuối năm VND
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	4.077.440.400
Công ty Cổ phần bột giặt NET	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	20.378.900.850
CN Công ty CP Pin Ấc Quy MN	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	17.620.758.440
Công ty TNHH MTV DAP-Vinachem	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	301.070

Công ty CP XNK HC Miền Nam	Cùng Tập đoàn	Mua Lưu huỳnh	
Công ty CP Phân bón Miền Nam	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	4.021.617.600
Công ty CP Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	Bán hóa chất	6.446.106.755
Công ty Cổ phần Sơn Chất Dẻo	Cùng Tập đoàn	Mua Bao Bi	(44.913.000)
Công ty Cổ phần HC CN Vi Sinh	Cùng Tập đoàn	Mua sơn	(49.863.000)

Số âm (-) thể hiện giá trị phải trả

Thu nhập và các khoản cho Công ty vay của Ban Lãnh đạo Công ty

Thu nhập Ban Lãnh đạo (Chủ tịch HĐQT, TGD, Phó TGD, KTT) được hưởng trong kỳ như sau:

Nội dung	Năm nay	Năm trước
Lương	1.941.502.550	-
Thưởng	946.067.329	
Khác	168.000.000	
Cộng	3.055.569.879	

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Kỳ trước VND	Kỳ này VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	796.363.636	-

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÀU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Hợp đồng thuê nhà số 335/HĐTN-QLKDN-KD ngày 31/12/2013 giữa Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh Nhà thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam thể hiện nội dung: Tổng số tiền thuê 912,75 m² tại số 22 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 73.000.000 đồng/tháng (gồm cả VAT). Hợp đồng thuê nhà (loại nhà cao ốc) được ký với thời hạn ba năm tính từ năm 2014.

29. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

30. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro về thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích độ nhạy như trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro về lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay (bao gồm cả vay ngắn hạn, vay dài hạn) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:



TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÁU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Vay ngắn hạn và dài hạn	Tăng /giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
Vay bằng đồng Việt Nam	+ 200	(3.488.926.731)
Vay bằng đồng Việt Nam	- 200	3.488.926.731

Mức tăng/giảm điểm cơ bản được dùng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro về ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu sự rủi ro do thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản. Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư gốc ngoại tệ là không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại một số ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÀU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Rủi ro thanh khoản

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà ban Tổng Giám đốc cho là đủ đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31/12/2014	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	163.894.912.087	10.551.424.484		174.446.336.571
Phải trả người bán	52.804.239.868			52.804.239.868
Chi phí phải trả	1.914.664.124			1.914.664.124
Các khoản phải trả khác	1.552.004.677			1.552.004.677
Cộng	220.165.820.756	10.551.424.484	-	230.717.245.240

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng các tài sản đảm bảo như tại thuyết minh để làm thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng như tại thuyết minh về phần vay ngắn hạn, vay dài hạn và Giá trị còn lại của tài sản mang đi thế chấp được trình bày tại thuyết minh về tài sản cố định hữu hình.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các Công cụ tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty:

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
 Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam Cho kỳ kế toán từ ngày 02/01/2014 đến 31/12/2014

Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MẪU B 09-DN
 (Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

	Giá trị số kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	02/01/2014	31/12/2014	02/01/2014
A Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	261.018.870.934	-	261.018.870.934	-
Phải thu khách hàng	123.910.067.634	-	123.655.117.640	-
Trong đó: Dự phòng	(254.949.994)	-		-
Các khoản phải thu khác	11.548.244.114	-	11.548.244.114	-
Cộng	396.222.232.688	-	396.222.232.688	-
	Giá trị số kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	02/01/2014	31/12/2014	02/01/2014
B. Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	174.446.336.571	-	174.446.336.571	-
Phải trả người bán	52.804.239.868	-	52.804.239.868	-
Chi phí phải trả	1.914.664.124	-	1.914.664.124	-
Các khoản phải trả, phải nộp	1.552.004.677	-	1.552.004.677	-
Cộng	230.717.245.240	-	230.717.245.240	-

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý

- ✓ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ✓ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ✓ Giá trị hợp lý của các công cụ chưa được niêm yết, các khoản vay ngân hàng trái phiếu và các nợ phải trả tài chính khác, các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính, cũng như các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn khác được tạm thời ghi nhận bằng giá gốc..

33. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Do đặc điểm hoạt động của Công ty chỉ có hoạt động sản xuất các hóa chất cơ bản theo đó không có sự khác biệt đáng kể về lĩnh vực kinh doanh, đồng thời Công ty hoạt động tại một bộ phận địa lý chính tại Việt Nam nên không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế của các bộ phận theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo theo bộ phận.

34. SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Do đây là năm tài chính đầu tiên Công ty được chuyển đổi (cổ phần hóa doanh nghiệp do Nhà Nước làm chủ sở hữu) và hoạt động theo mô hình của Công ty cổ phần nên số liệu tương ứng tại ngày đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán và số liệu kỳ trước trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có số liệu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngoài sự kiện vào ngày 24 tháng 2 năm 2015, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 43/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán là CSV thì không phát sinh bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính năm nay.

Phạm Thị Thu Hằng

Người lập biểu

Tp Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2015

Lê Thị Ngọc Diệp

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thọ

Tổng Giám đốc





Xác nhận của tổ chức phát hành
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM
(Người đại diện theo pháp luật)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Thọ